ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700861497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/01/2008 và thay đổi lần thứ 05 ngày 10/04/2017)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: ...281.../GCN-UBCK do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp ngày 10 tháng 12 năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 16/12/2021 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 027 4363 5201 Fax: 027 4363 5200

Website: www.vntt.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3914 3588 Fax: 028 3914 3209

Website: www.vcsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Ông Giang Quốc Dũng – Chức vụ: Tổng giám đốc

Số điện thoại: 027 4222 0222

Bình Dương, tháng 12/2021

TOTRINH21110203

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700861497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/01/2008 và thay đổi lần thứ 05 ngày 10/04/2017)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
Mệnh giá:	10.000 đồng/ cổ phần
Giá bán	10.000 đồng/ cổ phần
Tổng số lượng chào bán:	12.242.500 cổ phần
Tổng giá trị chào bán:	122.425.000.000 (Một trăm hai mươi hai tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3914 3588 Fax: 028 3914 3209

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Địa chỉ: 2 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3547 2972 Fax: 028 3547 2970

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 1
1. Tổ chức phát hành 1
2. Tổ chức tư vấn 1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 2
1. Rủi ro kinh tế 2
2. Rủi ro về pháp luật 5
3. Rủi ro do đặc thù ngành 5
4. Rủi ro của đợt chào bán 5
5. Rủi ro pha loãng 6
6. Rủi ro quản trị công ty 7
7. Rủi ro khác 7
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT 8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 9
1. Giới thiệu về tổ chức phát hành 9
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 13
3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần 14
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty 15
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 34
6. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty 35
7. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác 36
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 36
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 37
10. Hoạt động kinh doanh 37
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 66
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 66
2. Tình hình tài chính 69
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty 78
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 80
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 81
1. Thông tin về cổ đông sáng lập 81

2. Thông tin về cổ đông lớn 81
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc Kế toán trưởng 85
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 109
1. Loại cổ phiếu 109
2. Mệnh giá 109
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 109
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 110
5. Giá chào bán dự kiến 110
6. Phương thức phân phối 110
7. Đăng ký mua cổ phiếu 110
8. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 111
9. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 112
10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 112
11. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 112
12. Các loại thuế có liên quan 113
13. Thông tin về các cam kết 114
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 114
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 115
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN 117
1. Tổ chức tư vấn 117
2. Tổ chức kiểm toán 117
XI. PHỤ LỤC 117

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Ông Huỳnh Quang Hải	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Giang Quốc Dũng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thanh Hưng	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Phúc	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hải — Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Phụ lục Hợp đồng tư vấn số 11/2021/HĐ-IB.VCSC ngày 07 tháng 05 năm 2021 với Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam cung cấp.

TOTRINH21110203

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê ("GSO") Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2020 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của quý IV các năm trong giai đoạn 2011-2020. Tính chung năm 2020, GDP tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam. Mức tăng trưởng năm 2020 của Việt Nam thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2021, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) nhận định, bất chấp ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19, tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn có thể đạt mức 6,5% nhờ nền tảng vững vàng và những giải pháp quyết liệt cả về kinh tế và y tế của Chính phủ. GDP 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64%, cao hơn tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020. Mặc cho dịch bệnh Covid phức tạp bắt đầu từ cuối tháng Tư, kết quả tăng trưởng khả quan trong 6 tháng đầu năm cho thấy sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự chung sức, đồng lòng của hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân cả nước và lực lượng tuyến đầu chống dịch trong công tác kiểm soát dịch bệnh đồng thời thực hiện tốt công tác phát triển kinh tế – xã hội năm 2021.

Công ty hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Công ty phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong suốt 10 năm qua tương đối ổn định, Việt Nam trở thành điểm sáng trong thu hút đầu tư, từ đó đã tạo ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước. Mặc dù nền kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ tăng trưởng trong các năm tiếp theo nhưng trong bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới còn nhiều vấn đề bất ổn, kinh tế Việt Nam vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút có thể ảnh hưởng tới nhu cầu mua nhà của người tiêu dùng, qua đó tạo ra rủi ro doanh thu, dòng tiền, hàng tồn kho, ảnh hưởng đến lợi nhuận và hoạt động của Công ty.

Tăng trưởng GDP qua các năm giai đoạn 2011 –2020

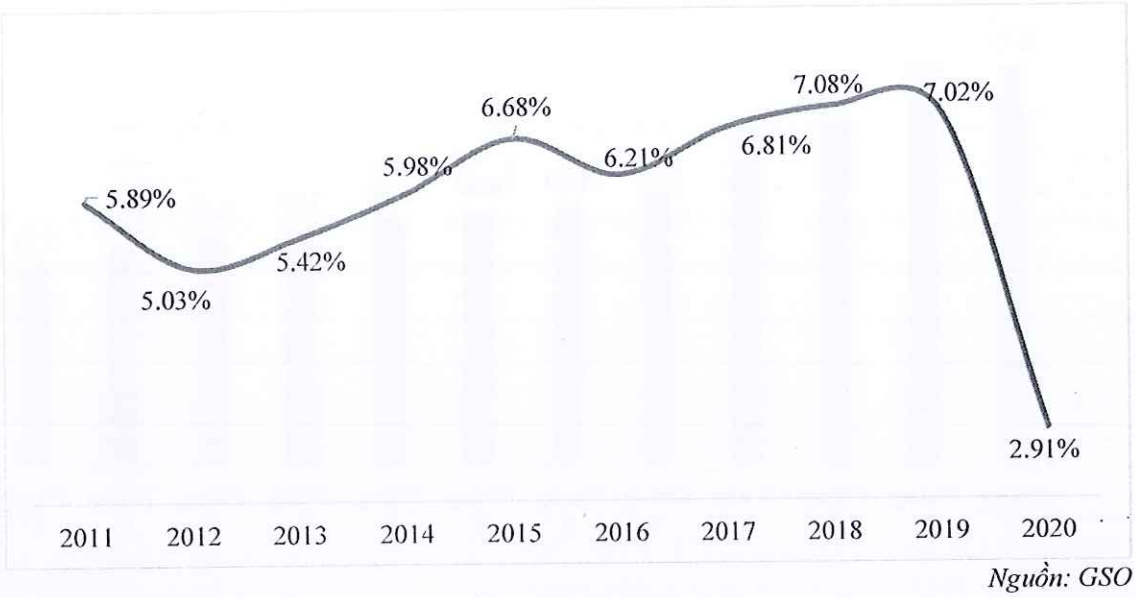

Nguồn: GSO

Vì vậy để hạn chế rủi ro, Công ty không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm giữ vững thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh.

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Lạm phát tăng cao hoặc siêu lạm phát sẽ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, gây ra sự ổn định giả tạo của quá trình sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp. Ngược lại, nếu lạm phát quá thấp (1,8% năm 2014) kéo dài cộng thêm thâm hụt ngân sách liên tiếp có thể làm cho tăng trưởng kinh tế phục hồi chậm, thậm chí dễ dẫn đến trì trệ, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn rất dễ dẫn tới suy thoái kinh tế.

Nhìn chung, mặt bằng giá năm 2020 tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước, ngay từ tháng 01/2020 đã tăng 6,43%, ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá của năm 2020, dẫn đến việc kiểm soát lạm phát theo mục tiêu dưới 4% Quốc hội đặt ra gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương, mức tăng của CPI được kiểm soát dần qua từng tháng với xu hướng giảm dần. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Quốc Hội đề ra trong bối cảnh một năm với nhiều biến động khó lường. CPI tháng 12/2020 tăng 0,19% so với tháng 12/2019, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020.

TOTRINH21110203

CPI năm 2020

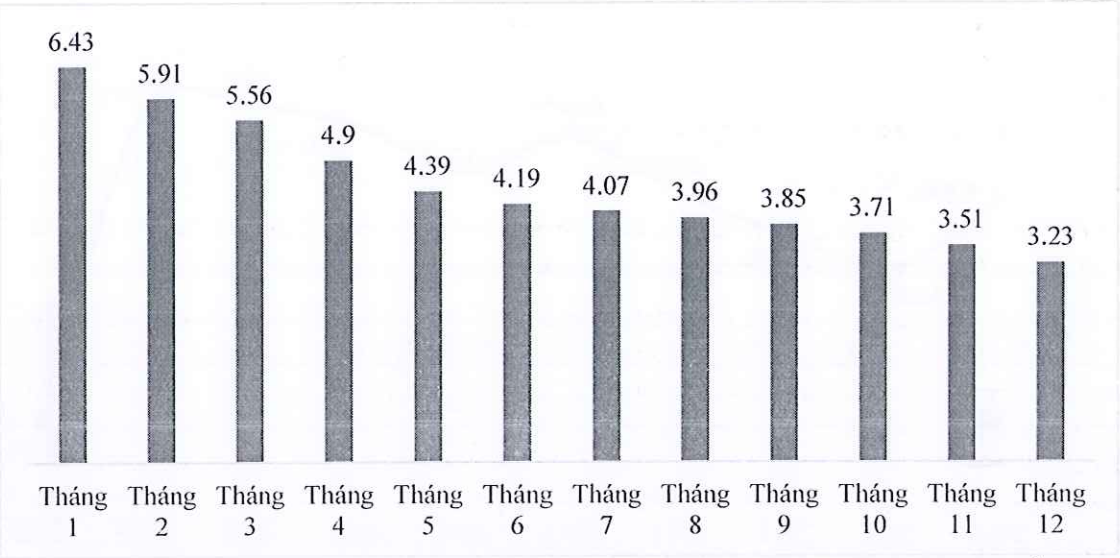

Nguồn: GSO

Mặc dù thế, với những diễn biến khó lường của kinh tế thế giới trong năm 2021 tới đây, nền kinh tế vẫn còn phải đối mặt với những nguy cơ bất ổn và lạm phát có thể quay trở lại bất cứ lúc nào.

1.3. Rủi ro lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất có ý nghĩa quan trọng tác động tăng trưởng kinh tế mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh suy giảm, dẫn đến thua lỗ và thậm chí phá sản. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

1.4. Rủi ro về tỷ giá

Với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, dòng vốn đầu tư nước ngoài đầu tư mạnh mẽ vào thị trường Việt Nam giúp tăng nguồn cung ngoại tệ, giá trị đồng tiền Việt Nam có mức ổn định cao trong điều kiện nền kinh tế thế giới có nhiều biến động.

Khi thị trường trong nước xuất hiện biến động tỷ giá lớn, Ngân hàng Nhà nước sẵn sàng có những động thái can thiệp thị trường với cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết giúp tình hình tỷ giá những năm qua biến động trong phạm vi nhất định, không gây ra ảnh hưởng quá lớn tới doanh nghiệp và nền kinh tế.

Tỷ giá ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trên các khía cạnh nhập khẩu và xuất khẩu. Các nguyên vật liệu đầu vào hầu hết được Công ty nhập khẩu từ nước ngoài do thị trường trong nước chưa đáp ứng được nguồn nguyên vật liệu này, rủi ro tỷ giá khiến cho chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên, xuất khẩu chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty, được các đối tác khách hàng thanh toán bằng ngoại tệ, giúp giảm thiểu tối đa các rủi ro về biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty. Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

3. Rủi ro do đặc thù ngành

Chi phí nhân công trong mảng công nghệ nhất là công nghệ thông tin đang khá cao và cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số làm ảnh hưởng tới chi phí nhân sự.

Công nghệ phát triển nhanh và thay đổi không ngừng, việc lựa chọn giải pháp và công nghệ phù hợp cho công việc thì cần có những đánh giá phù hợp với nhu cầu của tầm nhìn 3 năm hoặc 5 năm để cho việc đầu tư hiệu quả.Với yêu cầu ngày một gia tăng về mặt chất lượng và cạnh tranh lớn trong ngành thì việc nâng cao năng suất và giảm chi phí luôn được đưa ra để đo lường và đánh giá trong quá trình phát triển. Việc nâng cao năng lực của nhân sự là rất cần thiết để thích ứng với sự thay đổi và cũng như những quy trình và áp dụng công nghệ hoặc công cụ lao động mới.

Tốc độ phát triển công nghệ thay đổi từng ngày sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh các thiết bị công nghệ, điện tử đã đầu tư với giá trị cao nếu khả năng khai thác không kịp thời gian khấu hao tài sản và không hết công suất. Nhằm giảm thiểu rủi ro này, công ty đã lựa chọn các phương án đầu tư chọn lọc, phân tích thị trường kỹ lưỡng, xây dựng các phương án dự phòng rủi ro về tài chính, thị trường và công nghệ cho từng dự án cụ thể. Kết hợp mua bảo hiểm rủi ro, cháy nổ đối với các thiết bị công nghệ, điện tử.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng vẫn đang diễn biến phức tạp và khó dự báo, nên đợt chào bán có thể gặp rủi ro không chào bán hết dẫn đến Công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến để góp vốn thành lập Công ty con, đầu tư hạ tầng viễn thông, bổ sung nguồn vốn lưu động và đầu tư các dự án bất động sản. Trong trường hợp này, lượng cổ phần chưa phân phối hết sẽ được Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo giá phát hành phù hợp tại thời điểm phát hành nhưng không thấp hơn so với cổ đông hiện hữu. Xin phép UBCKNN gia hạn thời gian phát hành nếu xét thấy cần thiết.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là 12.242.500 cổ phần, tương đương 50,0% số lượng cổ phần đang lưu hành của CTCP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam. sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Sự điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu được tính theo công thức:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I * PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P: giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng

P_{t-1}: giá trị thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng

I: tỷ lệ vốn tăng

PR: giá sẽ bán cho người mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

5.1. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

$$P = \frac{20.000 + 10.000 * 50,00\%}{1 + 50,00\%}$$

$$= 16.667 \text{ đồng/cổ phần}$$

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Sau khi thực hiện chào bán, số cổ phiếu lưu hành trên thị trường sẽ tăng lên, vì vậy thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ được điều chỉnh

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

Chỉ số giá trị số sách mỗi cổ phiếu có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt, chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị.

Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành và chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản của Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

BB	Biên bản
BCTC	Báo cáo tài chính
BGĐ	Ban Giám đốc
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CNTT	Công nghệ thông tin
Công ty/ VNTT	Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
CTCP	Công ty cổ phần
DTT	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ	Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
ĐVT	Đơn vị tính
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HĐQT	Hội đồng Quản trị
ICT	Công nghệ thông tin và Truyền thông (Information and Communication Technology)
ICT	Công nghệ truyền thông
KCN	Khu công nghiệp
M&E	Cơ điện (Mechanical & Electrical)
TGĐ	Tổng Giám đốc
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
Tổ chức tư vấn, VCSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
UBCKNN	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
VNTTS	Công ty TNHH Giải Pháp VNTT
VT	Viễn thông

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu về tổ chức phát hành

Tên đầy đủ	:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
Tên tiếng Anh	:	VIETNAM TECHNOLOGY & TELECOMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt tiếng Anh	:	VNTT JSC
Tên viết tắt	:	VNTT
Biểu tượng của Công ty	:	
Giấy chứng nhận ĐKKD	:	Số 3700861497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/01/2008 và thay đổi lần thứ 05 ngày 10/04/2017
Trụ sở	:	21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại	:	027 4363 5201
Fax	:	027 4363 5200
Website	:	www.vntt.com.vn
Giấy CNĐKKD	:	3700861497
Vốn điều lệ	:	244.850.000.000 (hai trăm bốn mươi bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng
Vốn điều lệ thực góp	:	244.850.000.000 (hai trăm bốn mươi bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng
Ngành nghề kinh doanh	:	Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin
Người đại diện theo pháp luật	:	Giang Quốc Dũng (Tổng Giám đốc)
Mã cổ phiếu	:	TTN
Sàn niêm yết	:	UPCoM

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống, với các ngành nghề đăng ký kinh doanh bao gồm:

TOTRINH21110203

Bảng 1: Ngành nghề đăng ký kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, xuất nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động, viễn thông, thiết bị văn phòng và dân dụng.	2610
2	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
3	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
4	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
5	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
6	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
7	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
8	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
9	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10	Sửa chữa thiết bị khác	3319
11	Xây dựng nhà để ở	4101
12	Xây dựng nhà không để ở	4102
13	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14	Xây dựng công trình điện	4221
15	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
16	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
17	Xây dựng công trình công ích khác	4229
18	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
19	Phá dỡ	4311
20	Chuẩn bị mặt bằng	4312
21	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện	4321
22	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
23	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	4329

	Chi tiết: Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình phòng cháy chữa cháy; Công trình điện tử.	
24	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
26	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa.	4610
27	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn thiết bị văn phòng và dân dụng	4649
28	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
29	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện và linh kiện điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin, phòng cháy chữa cháy.	4652
30	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
32	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	4663
33	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán các sản phẩm phần mềm.	4669
34	Bán buôn tổng hợp	4690
35	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
36	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
37	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
38	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất, gia công, xuất khẩu phần mềm.	5820
39	Hoạt động truyền hình	6021
40	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
41	Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: Dịch vụ viễn thông	6110
42	Hoạt động viễn thông không dây	6120

43	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
44	Hoạt động viễn thông khác	6190
45	Lập trình máy vi tính	6201
47	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	6202
47	**Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.** **Chi tiết: Dịch vụ công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống.**	**6209 (chính)**
48	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
49	Cổng thông tin	6312
50	Hoạt động thông tấn	6391
51	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
52	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
53	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình điện, điện tử; Công trình điện lạnh; Công trình cấp thoát nước; Công trình phòng cháy chữa cháy.	7110
54	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
55	Cho thuê xe có động cơ	7710
56	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.	7730
57	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	8559
58	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
59	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
60	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
61	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
62	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
63	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524

64	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu.	9529

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- **Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam được thành lập từ sự hợp tác của ba cổ đông sáng lập là:**

  Becamex IDC : Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP – CTCP

  VNPT : Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

  BIDV : Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

  Với vốn điều lệ đăng ký ban đầu 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng chẵn). Trong đó, vốn góp đăng ký của ba cổ đông sáng lập là 325.000.000.000 đồng và phần còn lại gọi vốn góp từ các cổ đông khác. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động từ khi thành lập đến tháng 07 năm 2015, do nhiều nguyên nhân số vốn thực góp chỉ đạt 244.850.000.000 đồng.

  Đến ngày 03/07/2015 Công ty chính thức đăng ký điều chỉnh giảm vốn điều lệ còn 244.850.000.000 (Hai trăm bốn mươi bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng do cổ đông góp không đủ và đúng hạn.

- **Năm 2008: Công ty chính thức cung cấp các dịch vụ viễn thông – Công nghệ thông tin**

  Các dịch vụ viễn thông, bao gồm: dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ thoại, dịch vụ kênh truyền dẫn, dịch vụ mạng riêng ảo VPN...

  Khảo sát, tư vấn, cung cấp thiết bị và thi công, lắp đặt các công trình hạ tầng mạng viễn thông, hệ thống máy chủ, hệ thống Kiểm soát an ninh, truy nhập vào ra và các hệ thống công nghệ thông tin khác...

- **Tháng 7/2009: Bắt đầu cung cấp các dịch vụ Trung tâm dữ liệu**

  Từ Qúy 3/2009, VNTT lần lượt giới thiệu đến khách hàng các dịch vụ về Trung tâm dữ liệu, bao gồm: Dịch vụ Colocation, dịch vụ cho thuê máy chủ (Dedicated Server/VPS), dịch vụ Hosting Web/Mail/DNS, dịch vụ Cloud Backup... Các dịch vụ này giúp Doanh nghiệp có được một hạ tầng CNTT đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, trong khi không tốn chi phí đầu tư và nhân sự quản trị.

- **Tháng 6/2013 đến nay: Chính thức cung cấp ICT One-stop Shop**

  Trên hạ tầng cáp quang hoàn chỉnh và eDatacenter tiêu chuẩn Tier-3, VNTT hợp tác cùng các đối tác Nhật Bản để cung cấp các dịch vụ ICT chất lượng cao đến Doanh nghiệp hoạt động trong các KCN tại Bình Dương. Dưới tên gọi ICT One-stop Shop, các dịch vụ VT-CNTT được chọn lọc và tối ưu để phù hợp nhất với nhu cầu, ngân sách và nhân lực IT của Doanh nghiệp sản xuất.

- **Tháng 7/2015: Chính thức đi vào hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới**

  Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình về hệ thống phân phối điện trung thế, hạ thế, hệ thống máy biến áp, máy phát điện; hệ thống điện lạnh, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét, các hệ thống đèn tín hiệu giao thông, đèn chiếu sáng công cộng...

- **Năm 2016: Công ty trở thành Công ty đại chúng**

Ngày 25/02/2016 Công ty trở thành Công ty đại chúng và ngày đầu tiên đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UpCOM là 19/04/2017. Tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu 24.485.000 cổ phần.

- **Tháng 6/2018 Hợp tác với công ty Viễn Thông lớn nhất Nhật Bản - Nippon Telegraph and Telephone (NTT)**

  Hợp tác với NTT thông qua hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) trị giá 200 triệu đô la Mỹ để cung cấp dịch vụ Internet cáp quang chất lượng Nhật Bản và các giải pháp cho Thành phố thông minh.

- **Tháng 1/2019: Chính thức cung cấp dịch vụ phần mềm và chuyển đổi số**

  Triển khai các phần mềm theo nhu cầu của khách hàng, phát triển các sản phẩm phần mềm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số theo xu hướng công nghệ.

- **Tháng 7/2019 và Tháng 7/2020: Nhận giải thưởng Top 10 công ty công nghệ uy tín do báo Vietnam Report tổ chức**

- **Tháng 5/2021: Thành lập công ty con Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giải Pháp VNTT**

  Công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm, công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, hoạt động tư vấn và lập trình máy vi tính.

3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần

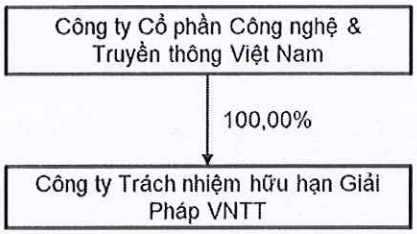

Nguồn: Công ty

Công ty TNHH Giải Pháp VNTT (VNTTS) được thành lập ngày 14/05/2021, do VNTT sở hữu 100,00% vốn điều lệ và hoạt động theo mô hình Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm, công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, hoạt động tư vấn, lập trình máy vi tính.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

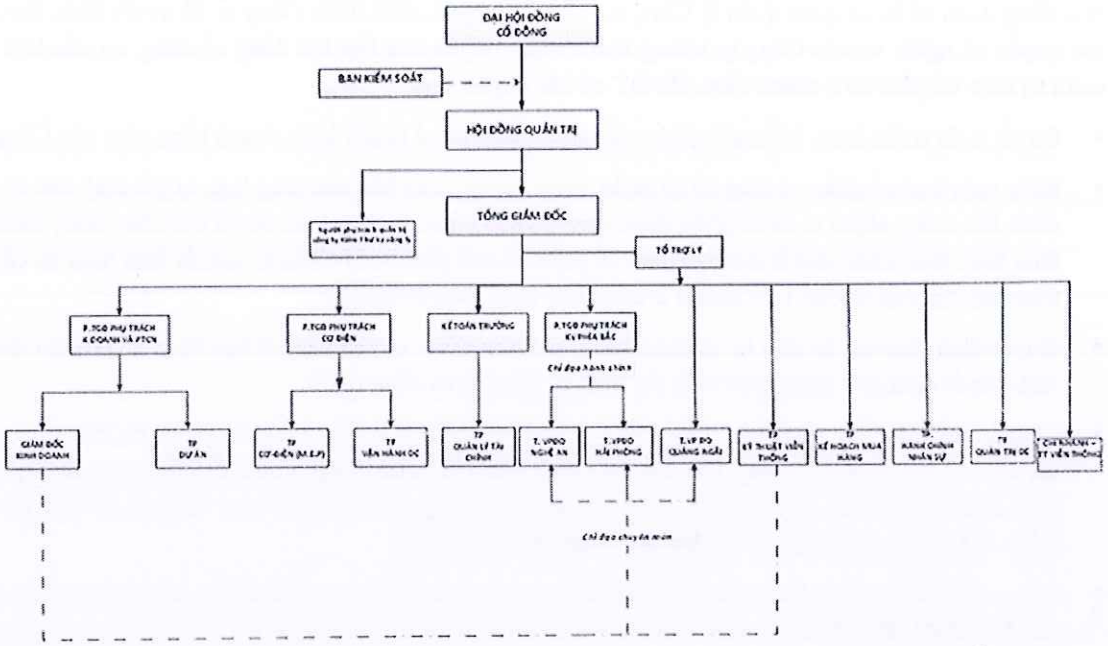

Nguồn: Công ty

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm và quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty, quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại gồm có 5 thành viên. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác, quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông, kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh, kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

4.3. Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra có 03 Kiểm soát viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4.5. Các phòng ban của Công ty và chức năng nhiệm vụ

4.5.1. Phòng Hành chánh nhân sự:

TT	Chức năng	Nhiệm vụ	Kết quả công việc
1	Xây dựng cơ cấu tổ chức – Phát triển nguồn nhân lực	1.1 Xây dựng cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, MTCV của Công ty và các phòng ban.	- Sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Công ty và các phòng ban.
		1.2 Quản lý biên chế và định biên nhân sự của toàn Công ty	- Bản kế hoạch định biên nhân sự
		1.3 Tham mưu, đề xuất cho TGĐ về việc sắp xếp nhân sự phù hợp với cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, năng lực và định hướng phát triển của công ty.	- Đề xuất, tờ trình
		1.4 Xây dựng nội quy, quy trình, quy chế …nhằm đảm bảo việc quản lý, điều hành và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực.	- Nội quy, quy trình, quy chế
2	Quản lý nhân sự , tiền lương, chế độ phúc lợi	2.1 Xây dựng các chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi cho Công ty.	- Các chính sách lương thưởng, phúc lợi
		2.2 Quản lý hồ sơ nhân sự (HĐLĐ, các quyết định nhân sự…)	- Hồ sơ nhân sự.
		2.3 Thực hiện tính lương, thưởng, BHXH, Thuế TNCN cho CBNV	- Bảng thanh toán lương, thưởng - Hồ BHXH - Hồ sơ QTT
		2.4 Thực hiện các báo cáo lao động theo quy định	- Bảng báo cáo
3	Tuyển dụng - Đào tạo	3.1 Xây dựng kế hoạch tuyển dụng và quản lý ngân sách tuyển dụng hàng năm	- Bảng kế hoạch và ngân sách tuyển dụng

		3.2 Tuyển dụng nhân sự cho công ty và các phòng ban	- Báo cáo kết quả tuyển dụng
		3.3 Xây dựng kế hoạch và quản lý ngân sách huấn luyện đào tạo cho toàn công ty.	- Bảng kế hoạch và ngân sách đào tạo
		3.4 Thực hiện các khóa huấn luyện đào tạo theo kế hoạch của công ty và theo đề xuất của các phòng ban được TGĐ phê duyệt	- Các lớp/khóa đào tạo được triển khai.
4	Quan hệ lao động	4.1 Cập nhật và phổ biến các thông tin về pháp luật lao động và nội quy, kỷ luật lao động cho CNNV trong công ty	- Danh sách tham gia đào tạo
		4.2 Thực hiện khen thưởng , xử lý kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật lao động và nội quy công ty	- Quyết định khen thưởng/Xử lý kỷ luật lao động.
		4.3 Tiếp nhận xử lý và giải quyết các thắc mắc , đơn thư khiếu nại cho CBNV liên quan đến chế độ chính sách.	- Biên bản làm việc.
		4.4 Xây dựng các chương trình kế hoạch gắn kết nhân viên, du lịch, thăm hỏi … cho CBNV theo quy chế Công ty, Công đoàn	- Các chương trình, kế hoạch.
5	Thực hiện đánh giá nội bộ ISO, KPI, 5S	5.1 Thực hiện xây dựng, quản lý, cập nhập, sửa đổi và đánh giá các tài liệu theo quy định (Iso, quy trình nội bộ)	- Tài liệu, quy trình
		5.2 Tổ chức thực hiện đánh giá KPI, 5S, đánh giá nội bộ theo quy định.	- Báo cáo kết quả thực hiện
6	Hành chính – Quản trị	6.1 Thực hiện công tác hành chính hậu cần, lễ tân, khánh tiết.	- Báo cáo công việc
		6.2 Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ và quản lý con dấu theo quy định.	- Sổ theo dõi văn bản
		6.3 Quản lý sử dụng tài sản (không bao gồm các máy móc, trang thiết bị thuộc phạm vi quản lý của các phòng ban chuyên môn), công cụ dụng cụ.	- Biên bản kiểm kê tài sản
		6.4 Thực hiện mua sắm và thanh toán trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm,	- Tờ trình

		đồng phục, bảo hộ lao động, điện, nước, thu gom rác thải… cho toàn công ty.	
		6.5 Phối hợp các bộ phận liên quan thực hiện các sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất, cảnh quan của toàn Công ty.	- Biên bản bàn giao, nghiệm thu.
		6.6 Quản lý và điều động đội xe hành chính phục vụ yêu cầu công tác theo quy định của Công ty.	- Phiếu điều xe
		6.7 Quản lý công tác an ninh, trật tự, an toàn tài sản, tham gia kiểm soát hoạt động phòng chống cháy nổ và vệ sinh văn phòng, cảnh quan của toàn công ty.	- Báo cáo công việc

4.5.2. Phòng Kế hoạch mua hàng

TT	Chức năng	Nhiệm vụ	Kết quả công việc
1	Cung cấp báo giá lập dự toán	1.1 Tìm kiếm, liên hệ các nhà cung cấp để báo giá với tiêu chí "Chất lượng phù hợp - Chi phí hiệu quả"	Bảng báo giá
		1.2 Cung cấp báo giá đầu vào đến các phòng ban yêu cầu đảm bảo tiến độ lập dự toán/lập báo giá đầu ra	Bảng báo giá
2	Cung cấp hàng hóa theo kế hoạch	2.1 Tổng hợp kế hoạch được phê duyệt của các phòng ban để lập kế hoạch thực hiện mua hàng.	Bảng kế hoạch mua hàng
		2.2 Kiểm soát ngân sách mua hàng đảm bảo chi phí mua hàng luôn nằm trong dự toán ngân sách đã được phê duyệt.	Bảng dự trù mua hàng
		2.3 Đàm phán và ký kết hợp đồng với nhà cung cấp đảm bảo mua hàng với giá và thời gian thanh toán hợp lý nhất.	Hợp đồng
		2.4 Thực hiện mua hàng đảm bảo đúng chủng loại, số lượng và chất lượng đáp ứng vật tư hàng hóa phục vụ kịp thời cho hoạt động SXKD của công ty.	-Kế hoạch mua hàng -Hồ sơ giao nhận hàng hóa
		2.5 Phối hợp với các phòng ban liên hệ nhà cung cấp để bảo hành, đổi trả vật tư	Yêu cầu bảo hành/ sửa chữa thiết bị.

		hàng hóa theo yêu cầu (Dành cho các thiết bị còn trong thời gian bản hành)	
		2.6 Tổng hợp và đề xuất thanh toán cho các đối tác, nhà cung cấp theo quy định của Công ty	Hồ sơ đề nghị thanh toán
		2.7 Quản lý, nhập liệu thông tin, lưu trữ hợp đồng, hồ sơ,.. đầy đủ, kịp thời.	Dữ liệu phần mềm FAST và eOffice
3	Đánh giá nhà cung cấp	3.1 Thiết lập và xây dựng hệ thống các nhà cung cấp đảm bảo sự cạnh tranh về chất lượng và giá thành hàng hóa.	Kế hoạch đánh giá NCC
		3.2 Thực hiện rà soát và đánh giá chất lượng các nhà cung cấp để đảm bảo hoạt động mua hàng luôn đạt mục tiêu đề ra	Báo cáo đánh giá NCC

4.5.3. Phòng Quản Trị DC

TT	Chức năng	Nhiệm vụ	Kết quả công việc
1	Quản lý hệ thống thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông của công ty.	1.1 Quản lý toàn bộ hệ thống thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin : Hệ thống thoại, mạng và máy chủ phục vụ cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt, ổn định.	- Báo cáo vận hành hệ thống
		1.2 Quản lý và cập nhật kịp thời các hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, bản vẽ kỹ thuật của toàn bộ hệ thống thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ và các phần mềm có liên quan.	- Tài liệu, bản vẽ kĩ thuật hệ thống thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin
		1.3 Quản lý toàn bộ dữ liệu lưu trữ camera khu vực DC và phối hợp vận hành hệ thống email nội bộ của VNTT theo các quy định cụ thể đã ban hành.	- Dữ liệu lư trữ camera
		1.4 Đề xuất xây dựng, cải thiện hệ thống thiết bị, hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ cho khách hàng	- Tài liệu giải pháp, phương án cải thiện hệ thống
		1.5 Chủ trì hoặc phối hợp với các phòng ban chuyên môn để làm việc và báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước,	- Các báo cáo về chất lượng dịch vụ, tự đo kiểm chất lượng dịch vụ viễn thông định kì

		trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin.	- Các báo cáo, yêu cầu khác từ Sở Thông tin truyền thông, Cục viễn thông
2	Cấu hình và phối hợp cung cấp các dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin cho khách hàng	2.1 Chủ trì triển khai thực hiện việc cấu hình và phối hợp với Phòng Vận hành DC, Phòng Kinh doanh để cung cấp các dịch vụ về Data Center : Web/Mail/DNS/Domain Hosting, VPS, Colocation, …	- Báo cáo triển khai dịch vụ DC hàng tháng
		2.2 Chủ trì triển khai thực hiện việc cấu hình và phối hợp với Phòng Kỹ thuật viễn thông, Phòng Kinh doanh để cung cấp các dịch vụ Viễn thông : Internet, Thoại, IPTV, Truyền dẫn....	- Báo cáo triển khai dịch vụ viễn thông hàng tháng
3	Giám sát, vận hành và xử lý sự cố đảm bảo hệ thống thiết bị hoạt động thông suốt và hiệu quả	3.1 Trực vận hành, giám sát, và xử lý sự cố hệ thống 24/7/365 : mạng lõi (core), mạng trung tâm dữ liệu, mạng truy cập, hệ thống tổng đài, hệ thống truyền dẫn, hệ thống máy chủ, tên miền đảm bảo sẵn sàng, tin cậy và linh hoạt đáp ứng đúng cam kết tiêu chuẩn.	- Báo cáo vận hành hệ thống hàng tuần
		3.2 Hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án/công trình thi công cơ sở hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin của Công ty.	- Biên bản hỗ trợ, nghiệm thu các dự án, công trình

4.5.4. Phòng Kinh Doanh

TT	Chức năng	Nhiệm vụ	Kết quả công việc
1	Hoạt động kinh doanh.	1.1 Triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ thuộc lĩnh vực được Tổng giám đốc giao.	Báo cáo kinh doanh.
		1.2 Nghiên cứu, phát triển và tổ chức kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mới. Thực hiện khai thác khách hàng mới, thị trường mới. Duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng, đối tác hiện có và khách hàng, đối tác mới	Báo cáo kinh doanh.
		1.3 Thực hiện soạn thảo, quản lý và theo dõi thực hiện các thỏa thuận hợp tác, hợp đồng kinh doanh đã được TGĐ ký trong	Báo cáo kinh doanh.

		phạm vi lĩnh vực kinh doanh của Phòng đảm bảo tuân thủ qui định của pháp luật và phù hợp với qui định Công ty	
		1.4 Tham mưu, xây dựng và triển khai thực hiện Chính sách bán hàng (bao gồm chính sách về giá, hoa hồng, khuyến mãi, chiết khấu) trình Tổng giám đốc phê duyệt	Chính sách bán hàng.
		1.5 Định kỳ thu thập và phân tích thông tin : Nhu cầu thị trường và hoạt động kinh doanh của phòng để tham mưu cho Tổng giám đốc về định hướng thị trường, xu hướng nhu cầu khách hàng trong tương lai để lập kế hoạch kinh doanh của phòng làm cơ sở để cùng với các đơn vị khác lập kế hoạch kinh doanh của công ty	Bản tin thị trường
		1.6 Phối hợp với P.QLTC xây dựng kế hoạch doanh thu và chi phí hoạt động của Phòng Kinh doanh trình Tổng giám đốc phê duyệt	Kế hoạch kinh doanh
2	Chăm sóc khách hàng	2.1 Tổ chức bộ máy/lực lượng lao động chăm sóc khách hàng đảm bảo Contact Center hoạt động hiệu quả.	Vận hành Trung tâm CSKH hiệu quả.
		2.2 Tham mưu, xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình chăm sóc khách hàng thuộc phạm vi của phòng trình Tổng giám đốc phê duyệt	Kế hoạch chăm sóc khách hàng
3	Công tác truyền thông maketing	3.1 Chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để tổ chức sự kiện, quảng bá, tiếp thị, truyền thông liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động kinh doanh của Phòng cũng như của toàn Công ty khi được Tổng giám đốc phân giao	Kế hoạch marketing
4	Quản lý hoạt động thu cước viễn thông	4.1 Tổ chức bộ máy (nhân sự, phần mềm và các công nghệ khác) đảm bảo hoạt động thu cước kịp thời, chính xác, hiệu quả.	Vận hành Trung tâm Quản lý cước hiệu quả.

TOTRINH21110203

		4.2 Thực hiện công tác đối chiếu định kỳ với phòng quản lý tài chính để đảm bảo thu đúng, thu đủ.	Báo cáo kinh doanh.
5	Các hoạt động khác	5.1 Tổ chức bộ máy nhân sự, phân công công việc, đào tạo phát triển nhân viên trong Phòng để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã được phê duyệt đạt kết quả và hiệu quả cao.	Kế hoạch đào tạo
		5.2 Xây dựng, ban hành các quy trình, quy định nghiệp vụ, các quy chế, … điều hành hoạt động kinh doanh của Phòng. Tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện và có biện pháp điều chỉnh, cải tiến phù hợp, kịp thời.	Quy trình kinh doanh, quy trình phối hợp cung cấp dịch vụ
		5.3 Xây dựng và duy trì hệ thống ứng dụng CNTT nhằm nâng cao năng suất lao động và sự hài lòng của khách hàng	
		5.4 Tổ chức bảo quản, lưu trữ an toàn, đầy đủ, chính xác hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh và dữ liệu khách hàng của Công ty.	Kết quả đánh giá ISO
		5.5 Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực CNTT-VT theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước, quy định của Công ty và chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo.	Báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan chủ quản.
		5.6 Hỗ trợ tổ trợ lý thực hiện việc xin cấp phép với các cơ quan quản lý Nhà nước về dịch vụ CNTT-VT.	Báo cáo kinh doanh.

4.5.5. Phòng Vận hành DC

TT	Chức năng	Nhiệm vụ	Kết quả công việc
1	Quản lý và vận hành các hệ thống tại DC.	Quản lý và vận hành các hệ thống cáp mạng, điện, điện lạnh, AC, CCTV tại DC hoạt động liên tục, ổn định, không bị gián đoạn.	- Hệ thống điện uptime >= 99.98%. - Báo cáo tuần Checklist vận hành

		Phối hợp với Phòng QTDC tổ chức vận hành hệ thống mạng eDC.	Dữ liệu trong phần mềm Ticket
		Dự báo và báo cáo những sự cố có thể xảy ra để có biện pháp xử lý kịp thời.	Báo cáo tuần
		Quản lý, kiểm soát vào - ra khu vực eDC; theo dõi (bao gồm theo dõi hình ảnh và theo dõi tình trạng on/off Camera) và sửa chữa khu vực bên trong eDC.	Dữ liệu truy cập DC trong phần mềm DCIM
2	Bảo trì bảo dưỡng, xử lý sự cố của hệ thống điện, nước, điều hòa không khí, hệ thống phòng cháy chữa cháy của DC.	Quản lý, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống điện, nước, điều hòa không khí trong toàn DC.	Lịch bảo trì thiết bị Biên bản bảo trì
		Xử lý sự cố, sửa chữa thay thế các hệ thống thiết bị trong eDC.	Nhật ký xử lý sự cố
		Kiểm tra, giám sát và triển khai hoạt động PCCC cho toàn công ty (công việc triển khai theo quyết định của Tổng Giám đốc về chức năng và nhiệm vụ của đội PCCC công ty).	Biên bản làm việc với PCCC (đội PCCC thực hiện)
		Bảo trì, sửa chữa các thiết bị PCCC tại eDC.	Lịch bảo trì thiết bị Biên bản bảo trì
3	Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị tại eDC.	Tham vấn xây dựng các dự án đầu tư của eDC theo từng giai đoạn, hoặc nâng cấp, cải thiện các hệ thống trong eDC nhằm đáp ứng các nhu cầu của khách hàng thuê dịch vụ tại eDC.	Biên bản họp triển khai (khi có dự án đầu tư)
		Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thi công xây dựng các hệ thống cáp, điện, điện lạnh, … của eDC.	Biên bản làm việc, nghiệm thu (khi có thi công xây dựng)

4.5.6. Tổ trợ lý

TT	Chức năng	Nhiệm vụ	Kết quả công việc
1	Tham mưu, giúp việc cho HĐQT/Tổng Giám đốc	1.1 Tổ Trợ lý có nhiệm vụ giúp việc cho HĐQT/Tổng Giám đốc trong việc sắp xếp, triển khai, giám sát thực hiện các chủ trương/chính sách/kế hoạch phát triển kinh doanh từ HĐQT/Tổng Giám đốc đến các Bộ phận.	Các báo cáo về kết quả thực hiện của các bộ phận kinh doanh theo quý/năm so với kế hoạch được HĐQT/TGĐ phê duyệt.

		1.2 Hỗ trợ HĐQT/Tổng Giám đốc trong việc điều hành, giám sát, đôn đốc các Phòng/Trung tâm trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, kế hoạch theo chức năng đã được phân công. Kịp thời báo cáo tiến độ thực hiện công việc của các Phòng/Trung tâm theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.	Báo cáo tiến độ thực hiện công việc (bằng Biên bản/email/Eoffice,,..) của các phòng ban theo các biên bản họp giao ban định kỳ của TGĐ.
		1.3 Truyền đạt thông tin chỉ đạo của HĐQT/Tổng Giám đốc tới các Phòng/Trung tâm liên quan và giám sát, đôn đốc các Phòng/Trung tâm xữ lý các thông tin chỉ đạo theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.	Email/Biên bản làm việc
		1.4 Tổng hợp, đánh giá và lập báo cáo về tình hình hoạt động của các Phòng/Trung tâm theo yêu cầu của HĐQT/Tổng Giám đốc để đảm bảo công việc được thực hiện đúng quy định, quy trình của Công ty và pháp luật của nhà nước, đem hiệu quả cao nhất cho Công ty.	Các báo cáo về kết quả thực hiện của các bộ phận kinh doanh theo quý/năm so với kế hoạch được HĐQT/TGĐ phê duyệt.
		1.5 Tham gia lập kế hoạch, chương trình, tổ chức hội nghị, hội thảo, họp giao ban, tổng kết, …	Phối hợp với các phòng ban chuẩn bị các công tác: Họp HĐQT định kỳ, Họp ĐHĐCĐ, Họp giao ban, Hội nghị khách hàng,…
		1.6 Tham gia cùng HĐQT/Tổng Giám đốc trong công tác đối nội/đối ngoại và giữ gìn hình ảnh Công ty, tham dự và hỗ trợ Tổng Giám đốc trong các buổi gặp gỡ, giao thương với đối tác, khách hàng.	Bảng kế hoạch làm việc
		1.7 Kiểm tra, soát xét các tài liệu, công văn, giấy tờ, văn bản, quyết định,….. từ các Phòng/ Trung tâm theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc trước khi trình Tổng Giám đốc phê duyệt.	Các tài liệu, công văn, giấy tờ, văn bản, quyết định
		1.8 Phụ trách biên phiên dịch ngoại ngữ (Tiếng Nhật) cho Công ty.	Biên phiên dịch cho TGĐ và các phòng ban

2	Thực hiện công tác Quản lý Cổ đông	2.1 Thực hiện công tác Quản lý Cổ đông và Công bố thông tin theo các quy định hiện hành liên quan đến Công ty đại chúng và luật chuyên ngành điều chỉnh.	Các báo cáo công bố thông tin. Các chứng từ điều chỉnh thông tin liên quan đến cổ đông.
		2.2 Tham gia tổ chức thực hiện đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.	Phối hợp với các phòng ban chuẩn bị các công tác đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm
3	Hỗ trợ pháp lý – Phối hợp với các phòng ban	3.1 Hỗ trợ pháp lý và phối hợp với các phòng ban chuyên môn để xin điều chỉnh hoặc cấp phép mới các loại giấy phép của công ty (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, chứng chỉ hành nghề hoạt động trong lĩnh vực xây dưng,.) theo chỉ đạo của Tổng giám đốc.	Các loại giấy phép công ty.
		3.2 Tham vấn cho các Trưởng phòng, Bộ phận, đơn vị trong việc lập mục tiêu, kế hoạch hoạt động của đơn vị trong từng thời kỳ/giai đoạn phù hợp. Hỗ trợ Trưởng các Phòng, Bộ phận, đơn vị triển khai, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến các dự án, hợp đồng, kế hoạch hoạt động, … của Bộ phận theo yêu cầu chỉ đạo của Tổng Giám đốc.	Báo cáo kế hoạch hoạt động của Công ty và các phòng ban.
		3.3 Theo dõi tiến độ các báo cáo liên quan đến các giấy phép KDDV viễn thông của các phòng ban chuyên môn theo quy định của pháp luật	Các báo cáo liên quan đến dịch vụ VT của các phòng ban.

4.5.7. Phòng Kỹ Thuật Viễn Thông

TT	Chức năng	Nhiệm vụ	Kết quả công việc
1	Khảo sát, thiết kế,thi công xây dựng và triển khai hạ tầng cáp quang	1.1 Khảo sát, thiết kế hạ tầng cáp quang viễn thông để đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đối tác.	Biên bản khảo sát, hồ sơ thiết kế. Tờ trình phê duyệt đầu tư hạ tầng cáp.

TOTRINH21110203

	viễn thông đến khách hàng, đối tác	1.2 Triển khai, thi công xây dựng hạ tầng cáp quang viễn thông cho khách hàng, đối tác.	Kế hoạch triển khai. Biên bản nghiệm thu, hồ sơ thiết kế
		1.3 Phối hợp với phòng Kinh doanh và phòng Quản trị DC để triển khai hạ tầng, đấu nối hạ tầng cáp viễn thông đến khách hàng, đối tác.	Báo cáo công việc (Ticket, eoffice) Biên bản nghiệm thu
2	Tổ chức lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố hạ tầng truyền dẫn sợi quang cho khách hàng	2.1 Kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng và đề xuất giải pháp cải tạo trình Tổng Giám đốc phê duyệt nhằm tối ưu hóa hệ thống hạ tầng cáp viễn thông.	Kế hoạch bảo trì Các Tờ trình về đầu tư hạ tầng, xử lý hạ tầng.
		2.2 Phối hợp với trung tâm dịch vụ khách hàng và phòng Quản trị DC để tiếp nhận và xử lý sự cố dịch vụ viễn thông theo đúng cam kết của VNTT đối với khách hàng.	Biên bản nghiệm thu Báo cáo công việc (Ticket, eoffice)
		2.3 Phối hợp với P.QTDC, Phòng kinh doanh, chăm sóc khách hàng đảm bảo chất lượng mạng, chất lượng dịch vụ theo đúng cam kết với khách hàng/đối tác.	Báo cáo công việc (Ticket, Eoffice)
3	Quản lý hạ tầng cáp viễn thông, tài sản, công cụ dụng cụ, cơ sở vật chất, trang thiết bị trong phạm vi được phân công	3.1 Quản lý sử dụng hệ thống hạ tầng cống bể viễn thông của VNTT.	Báo cáo công việc (eoffice)
		3.2 Quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống báo cháy và PCCC tại các POP và Văn phòng đại diện theo hướng dẫn sử dụng của đơn vị lắp đặt.	Bảng check list kiểm tra Bảng hướng dẫn sử dụng.
		3.3 Quản lý tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị phần cứng trong phòng máy tại các POP (Không bao gồm trang thiết bị của phòng Kinh doanh).	Bảng theo dõi tình hình sử dụng tài sản, công cụ dụng cụ, cơ sở vật chất. Bảng hướng dẫn sử dụng.

4.5.8. Phòng Quản Lý Tài Chính

TT	Chức năng	Nhiệm vụ	Kết quả công việc
1	Công tác quản lý Tài chính	1.1 Đề xuất các hình thức, giải pháp quản lý và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, quỹ tiền tệ, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.	Đề xuất được TGĐ/HĐQT phê duyệt

		1.2 Giúp HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc chấp hành đầy đủ các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán, thống kê, thuế của Nhà nước theo Luật định.	Báo cáo tài chính
		1.3 Bảo đảm kiểm soát dòng tiền để đáp ứng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty theo quy định của pháp luật về quản lý kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.	Báo cáo tài chính
		1.4 Xây dựng Quy trình quản lý thu, chi tài chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.	Quy trình
		1.5 Kiểm soát hoạt động tài chính của các đơn vị trực thuộc Công ty theo đúng quy định của Nhà nước và phân cấp quản lý của Công ty (nếu có).	Báo cáo tài chính
		1.6 Lập kế hoạch tài chính của Công ty; giao kế hoạch tài chính năm và quý đối với các đơn vị trực thuộc Công ty (nếu có).	Bảng kế hoạch tài chính
		1.7 Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính của Công ty đúng thời hạn quy định	Báo cáo tài chính
		1.8 Huy động vốn : Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh. Xây dựng phương án tích lũy từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh;	Báo cáo tài chính
		1.9 Quản lý chặt chẽ các khoản công nợ của Công ty;	Báo cáo công nợ
		1.10 Lập kế hoạch phát triển, quản lý và sử dụng vốn, tài sản, quỹ đất và quyền sử dụng đất, giá trị thương hiệu và các lợi thế thương mại; các tài sản khác được hình thành thuộc quyền quản lý của Công ty; và quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn trong các hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty (nếu có);	Bảng kế hoạch

TOTRINH21110203

		1.11 Xây dựng và trình duyệt phương án về thay đổi cơ cấu vốn, tài sản, tương ứng với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.	Tờ trình phương án
		1.12 Quản lý toàn bộ hồ sơ bất động sản của Công ty.	Hồ sơ BĐS
2	Công tác Tín dụng	2.1 Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư, lập Tờ trình trình HĐQT và Tổng Giám đốc phê duyệt kế hoạch huy động vốn trung hạn, dài hạn, kế hoạch tín dụng vốn lưu động dưới các hình thức được pháp luật cho phép để huy động vốn phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh	Tờ trình
		2.2 Xây dựng mức lãi suất huy động và cho vay vốn trong nội bộ và bên ngoài Công ty trình HĐQT và Tổng Giám đốc phê duyệt (nếu có);	Tờ trình
		2.3 Phối hợp với các Phòng có liên quan thực hiện đàm phán, dự thảo các hợp đồng tín dụng, kinh tế của toàn Công ty;	Biên bản làm việc
		2.4 Đôn đốc thực hiện các kế hoạch tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Thông báo, email, báo cáo kết quả công việc.
3	Công tác Kế toán	3.1 Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán. Lập các chứng từ hạch toán phản ánh quan hệ kinh tế giữa Công ty với các đơn vị khác;	Chứng từ kế toán
		3.2 Lập báo cáo tài chính theo quy định của Bộ Tài chính; lập báo cáo quản trị tài chính theo yêu cầu của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty; lập các báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc, HĐQT Công ty và Nhà nước;	Báo cáo tài chính
		3.3 Lưu trữ các tài liệu kế toán theo quy định của Công ty và của Bộ Tài chính;	Hồ sơ lưu trữ

		3.4 Thực hiện công tác quản lý chi tiêu theo Dự toán và các giao dịch khác của Công ty: trực tiếp quản lý quỹ, két của Công ty, cấp phát và chi tất cả các nguồn theo dự toán đã được Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc phê duyệt. Điều hòa vốn hàng ngày cho các công trình/dự án hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.	Báo cáo thu chi
		3.5 Giao dịch Ngân hàng, thực hiện các thủ tục bảo lãnh, đặt cọc, thế chấp theo Luật định và quy định của Công ty; thực hiện các thủ tục đóng, mở tài khoản của Công ty;	Chứng từ giao dịch
		3.6 Theo dõi, quản lý hợp đồng và quản lý công nợ : quản lý thủ tục thanh toán các loại hợp đồng theo điều khoản của hợp đồng và chứng từ thanh toán, tham gia nghiệm thu, đôn đốc thu hồi công nợ và thực hiện thu hồi công nợ đối với khách hàng trong hệ thống Becamex.	Báo cáo theo dõi công nợ Chứng từ thanh toán
		3.7 Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán; theo dõi tình hình quản lý kinh tế, tài chính ở các đơn vị trực thuộc, kịp thời báo cáo và đề xuất Tổng Giám đốc Công ty kiểm tra tài chính định kỳ hoặc đột xuất (nếu có).	Báo cáo tài chính
		3.8 Công tác liên quan đến ngân sách Nhà nước : tính toán, kê khai các khoản nộp ngân sách Nhà nước; làm thủ tục hoàn thuế, nộp thuế; quyết toán thuế với cơ quan thuế theo Luật định.	Báo cáo tài chính
		3.9 Trực tiếp làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra, cơ quan thuế đến làm việc tại Công ty theo quyết định của các cơ quan chức năng và chỉ thị của Tổng Giám	Biên bản làm việc

TOTRINH21110203

		đốc; đề nghị các đơn vị liên quan tham gia giải trình (nếu cần).	
		3.10 Tham gia quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành, tham gia quản lý vốn đầu tư ra ngoài Công ty; lập các quyết định tăng, giảm tài sản cố định do mua sắm mới, thanh lý hoặc điều động trong nội bộ Công ty.	Bản quyết toán Biên bản làm việc
		3.11 Xây dựng Quy chế liên quan đến tài chính, kế toán; phổ biến, hướng dẫn chế độ tài chính, kế toán.	Quy chế được ban hành
4	Công tác Quản lý Kho	4.1 Quy tắc Quản lý Kho liên quan đến tài chính, kế toán; phổ biến, hướng dẫn chế độ tài chính, kế toán công ty, chứng từ xuất nhập kho	
		4.2 Định kỳ Tổ chức, thực hiện, giám sát việc kiểm kê hàng hóa, báo cáo số lượng hàng tồn kho theo quy định của Công ty;	Báo cáo kiểm kê
		4.3 Chịu trách nhiệm về các vấn đề an toàn, an ninh, vệ sinh kho hàng, PCCC;	Báo cáo công việc
		4.4 Chịu trách nhiệm điều vận, phân công điều vận đảm bảo giao hàng, vật tư thuận tiện, nhanh chóng.	Phiếu giao nhận hàng hóa

4.5.9. Phòng Cơ – Điện (MEP)

TT	Chức năng	Nhiệm vụ	Kết quả công việc
1	Tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường	1.1 Tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường về lĩnh vực M.E.P	Thông tin khách hàng mới (ngoài danh sách khách hàng hiện hữu)
		1.2 Thu hồi công nợ đối với các khách hàng ngoài hệ thống Becamex đảm bảo đủ doanh thu thực hiện	Hóa đơn, UNC thanh toán của khách hàng
2	Thiết kế, thi công, lắp đặt và triển khai các công trình/ dự án	2.1 Thiết kế, tư vấn giải pháp công nghệ, cung cấp, thi công, lắp đặt các công trình/ dự án của chủ đầu tư / khách hàng bao gồm:	Dự toán, Hợp đồng, báo giá, hồ sơ đấu thầu

		- Điện hạ tầng: Hệ thống điện trung – hạ thế, trạm điện và đường dây, chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông (THGT). - Hạ tầng viễn thông: Lắp đặt hệ thống tuyến ống, cống bể viễn thông. - Cơ - Điện: • Hệ thống Điện công nghiệp và dân dụng. • Hệ thống Cấp – thoát nước. • Hệ thống PCCC. • Hệ thống Điều hòa không khí (ĐHKK). Hệ thống Năng lượng điện mặt trời	
		2.2.Thiết kế, cung cấp, thi công, lắp đặt các công trình của VNTT trong phạm vi công việc được giao.	Kế hoạch thực hiện, Biên bản nghiệm thu.
		2.3 Phối hợp với các Phòng/Ban trong Công ty trong phạm vi công việc chuyên môn quy định tại mục 2.1, 2.2, nhằm đảm bảo kết quả công việc của phòng cơ điện M.E.P được xuyên suốt và đạt hiệu quả cao.	Biên bản họp
3	Bảo trì, sửa chữa cho các công trình dự án.	3.1 Tổ chức thực hiện bảo trì, sửa chữa thi công cho các công trình dự án.	Kế hoạch thực hiện Biên bản làm việc.
		3.2 Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống điện, nước, điều hòa không khí tại các POP (Không bao gồm các văn phòng đại diện).	Kế hoạch, hồ sơ bảo trì.

4.5.10. Phòng Dự Án

TT	Chức năng	Nhiệm vụ	Kết quả công việc
1	Tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường	1.1 Tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường đem lại doanh thu cho công ty.	Báo giá, hồ sơ đấu thầu, Hợp đồng.
		1.2 Soạn thảo, quản lý và theo dõi thực hiện các hợp đồng, hồ sơ thầu đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật , phù hợp với quy định Công ty và lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán Hợp đồng.	Hợp đồng. Hồ sơ nghiệm thu, quyết toán

TOTRINH21110203

		1.3 Thu hồi công nợ đối với các khách hàng ngoài hệ thống Becamex đảm bảo đủ doanh thu thực hiện.	Hóa đơn, UNC thanh toán của khách hàng.
2	Thiết kế, thi công, lắp đặt và cung cấp các dịch vụ hạ tầng Công nghệ thông tin cho khách hàng/chủ đầu tư. (indoor)	Thiết kế, thi công, cung cấp, lắp đặt các công trình của chủ đầu tư / khách hàng về : **Thiết bị Viễn thông, hệ thống viễn thông - Công nghệ thông tin.** - Bản quyền phần mềm.	Hợp đồng Báo giá được KH xác nhận
3	Thực hiện các dịch vụ sửa chữa bảo trì thiết bị Công nghệ thông tin cho khách hàng/chủ đầu tư	Thực hiện bảo hành, vận hành, bảo trì bảo dưỡng các công trình theo hợp đồng đã ký kết với khách hàng/ chủ đầu tư và cơ chế quản lý của Công ty.	Biên bản nghiệm thu
4	Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị của công ty trong phạm vi được phân công	4.1 Chịu trách nhiệm thực hiện các công việc lắp đặt, bàn giao, sửa chữa, xử lý sự cố và được bảo trì 6 tháng/lần cho hệ thống camera toàn công ty	Quy trình XLSC, Quy trình Bảo trì
		4.2 Thiết kế, thi công, bảo trì, sửa chữa các thiết bị báo cháy tại các khu vực bên ngoài DC, tầng 2, các POP và văn phòng đại diện	Quy trình XLSC, Quy trình Bảo trì
		4.3 Quản lý dữ liệu GPS đội xe VNTT	Kiểm tra, sửa chữa, bảo trì
		4.4 Công việc IT helpdesk cho toàn công ty Kiểm tra cài đặt sử dụng phần mềm. Hàng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, gỡ bỏ những phần mềm không nằm trong danh sách được cài đặt.	Kế hoạch công việc Báo cáo công việc.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của Công ty

Không có

5.2. Công ty con trực tiếp của Công ty

Công ty TNHH Giải Pháp VNTT, địa chỉ tại Số 02, Đường Tiên Phong 03, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam,

mã số doanh nghiệp: 3702979423 đăng ký lần đầu ngày 14/05/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn điều lệ 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm, công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, hoạt động tư vấn, lập trình máy vi tính … VNTT hiện đang nắm giữ 100% vốn cổ phần tại Công ty TNHH Giải pháp VNTT.

Công ty dự định sẽ sử dụng số tiền huy động được từ việc chào bán cổ phiếu trong năm 2021 cho mục đích góp vốn 25.000.000.000 đồng vào Công ty con này. Theo như dự kiến của Công ty, đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được hoàn thiện trước ngày 12/08/2021 và Công ty sẽ hoàn thành công tác góp vốn theo Khoản 2 Điều 47 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ("Thành viên phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết. Thành viên công ty chỉ được góp vốn cho công ty bằng loại tài sản khác với tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của trên 50% số thành viên còn lại") và Công ty sẽ không gặp phải trở ngại trong công tác góp số vốn này. Tuy nhiên, Công ty gặp phải khó khăn trong công tác hoàn thiện hồ sơ chào bán cho cổ đông hiện hữu do tình hình dịch bệnh Covid - 19 khiến cho việc vận chuyển gặp nhiều trở ngại và một số vấn đề khác, Công ty chưa thể hoàn thành công tác góp vốn vào công ty con nêu trên.

Công ty cam kết sẽ hoàn thiện công tác góp vốn 25.000.000.000 đồng vào Công ty TNHH Giải Pháp VNTT sau khi đợt chào bán thành công.

5.3. Công ty con gián tiếp của Công ty

Không có

5.4. Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát, chi phối đối với Công ty

Không có

6. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ đăng ký ban đầu theo giấy đăng ký kinh doanh là 500.000.000.000 đồng. Trong đó: 3 (ba) cổ đông sáng lập đăng ký góp 325.000.000.000 đồng và phần còn lại gọi vốn góp từ các cổ đông khác;

Đến ngày 01/04/2008 sau 90 ngày kể từ ngày Công ty được cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh số vốn thực góp chỉ đạt 109.919.000.000 đồng từ 2.161 cổ đông (trong đó của 2 cổ đông sáng lập là 15.000.000.000 đồng);

Sau đó, các cổ đông (cổ đông sáng lập và cổ đông khác) tiếp tục thực hiện góp vốn cho đến ngày 28/12/2011 thì số vốn thực góp đạt được 244.850.000.000 đồng từ 2.436 cổ đông (trong đó của 3 cổ đông sáng lập là 138.964.000.000 đồng) và từ đó kết thúc luôn việc góp vốn cho đến nay;

Đến ngày 26/06/2015 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Hội đồng cổ đông Công ty đã chính thức quyết định thông qua giảm vốn điều lệ từ 500.000.000.000 đồng đăng ký ban đầu xuống còn 244.850.000.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi với vốn điều lệ được thay đổi chính thức được Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/07/2015

Bảng 2: Quá trình góp vốn của cổ đông Công ty

Lần	Thời gian	Nội dung	Giá trị vốn tăng thêm (ngàn đồng)	Vốn điều lệ thực góp sau tăng (ngàn đồng)	Cơ quan chấp thuận	Mục đích sử dụng vốn
1	02/01/2008	Đăng ký thành lập công ty cổ phần với vốn điều lệ dự kiến là 500.000.000.000 đồng			Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương	
2	01/04/2008	Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	109.919.000	109.919.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương	Góp vốn thành lập Công ty
3	28/12/2011	Cổ đông tiếp tục góp vốn theo cam kết	134.931.000	244.850.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương	Góp vốn thành lập Công ty

7. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

- Ngày 25/03/2020, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐQT về việc thoái vốn góp tại Công ty Cổ phần Becamex Bình Định. Công ty sẽ chuyển nhượng trực tiếp toàn bộ 3.000.000 cổ phần đang sở hữu tại Becamex Bình Định, tương ứng với phần vốn đã góp là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng), tương đương với 30% vốn điều lệ của Becamex Bình Định.

  Bên nhận chuyển nhượng: Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore (VSIP).

  Lý do: Thu hồi vốn để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính (kinh doanh viễn thông) của Công ty.

- Ngày 04/05/2021, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐQT, thông qua việc thành lập công ty con Công ty TNHH Giải pháp VNTT, vốn điều lệ 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng.

  Công ty dự định sẽ sử dụng số tiền huy động được từ việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2021 cho mục đích góp vốn vào Công ty con này. Tuy nhiên, Công ty gặp phải khó khăn trong công tác hoàn thiện hồ sơ chào bán cho cổ đông hiện hữu do tình hình dịch bệnh Covid - 19 khiến cho việc vận chuyển gặp nhiều trở ngại và một số vấn đề khác, Công ty chưa thể hoàn thành công tác góp vốn vào công ty con nêu trên. Công ty cam kết sẽ hoàn thiện công tác góp vốn 25.000.000.000 đồng vào Công ty TNHH Giải Pháp VNTT sau khi đợt chào bán thành công.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông đến thời điểm 10/09/2021 (ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất)

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 10/09/2021

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ %/VĐL
1	**Cổ đông trong nước**	**2.251**	**24.184.400**	**98,77%**
	- Cá nhân	2.247	9.746.400	39,81%
	- Tổ chức	4	14.438.000	58,97%
2	**Cổ đông nước ngoài**	**22**	**300.600**	**1,23%**
	- Cá nhân	20	223.300	0,91%
	- Tổ chức	2	77.300	0,32%
3	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0,00%**
TỔNG CỘNG (1+2+3)		**2.273**	**24.485.000**	**100,00%**

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật được Công ty xác định từ cam kết quốc tế, pháp luật cổ phần hóa và pháp luật chuyên ngành liên quan là 49,00% và tỷ lệ này đã được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận tại công văn số 5318/UBCK-PTTT ngày 15/09/2021 và công bố trên trang web của Công ty;

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết HĐQT số 09/2021/NQ-HĐQT là 49,00%;

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại: 1,23%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính

VNTT định hướng kinh doanh là trở thành một Công ty Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) chuyên cung cấp những dịch vụ trong lĩnh vực tin học và viễn thông dựa trên một nền tảng hạ tầng công nghệ mới đảm bảo đáp ứng băng thông cho hiện tại và tương lai.

Một cách làm phù hợp với hiện tượng "kinh tế toàn cầu", tiếp cận với những công nghệ mới nhất để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất. Các sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty bao gồm:

- **Dịch vụ viễn thông**

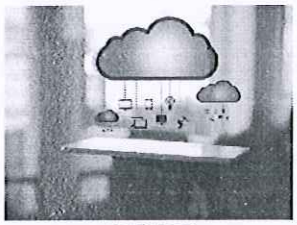

J-WIFI

J-WIFI (hệ thống Wi-Fi được quản lý qua điện toán đám mây) là một giải pháp Wi-Fi chất lượng cao, ổn định và vô cùng bảo mật theo tiêu chuẩn Nhật Bản

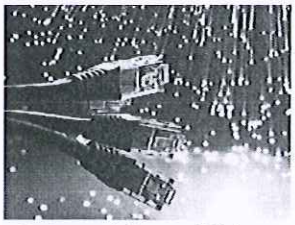

Internet Leased Line

Dịch vụ truy cập Internet tốc độ cao dựa trên công nghệ cáp quang GPON



Dịch vụ thoại

Cho phép thực hiện các cuộc gọi thông qua đường truyền Internet (LAN hoặc WAN), giúp thực hiện miễn phí các cuộc gọi hoặc giảm cước phí cuộc gọi đến mức thấp nhất

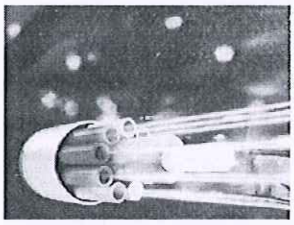

FTTH Doanh nghiệp

Dịch vụ truy cập Internet tốc độ cao dựa trên công nghệ cáp quang GPON, chất lượng cao, ổn định, ít suy hao…dễ dàng tích hợp được nhiều dịch vụ GTGT đi kèm. Các nhu cầu về truyền tải dữ liệu, truy cập tốc độ cao với băng thông rộng được đáp ứng một cách hoàn hảo nhất, với chi phí thích hợp dành cho các hộ gia đình, điểm truy cập Internet, các doanh nghiệp vừa và nhỏ



Truyền hình MyTV

Dịch vụ truyền hình IPTV (MyTV) và truyền hình cáp hình cáp (VTVCab, HTVC) với chất lượng HD

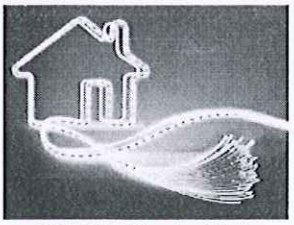

FTTH Hộ gia đình

Dịch vụ truy cập Internet tốc độ cao dựa trên công nghệ cáp quang GPON, chất lượng cao, ổn định, ít

trên đường truyền cáp quang và các kho phim, nhạc, …



IP Tĩnh

IP tĩnh là địa chỉ IP được cố định sẵn dành riêng duy nhất cho một người hoặc một nhóm người sử dụng thiết bị có kết nối Internet của họ chỉ được đặt một địa chỉ IP. Thông thường, IP tĩnh được cấp cho một máy chủ với mục đích riêng như (máy chủ Web, video,…)

suy hao…dễ dàng tích hợp được nhiều dịch vụ GTGT đi kèm

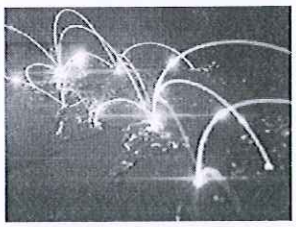

Kênh thuê riêng

Dịch vụ cho thuê kênh truyền dẫn vật lý để kết nối giữa các điểm trong hệ thống mạng nội bộ của khách hàng

- **Dịch vụ Datacenter**

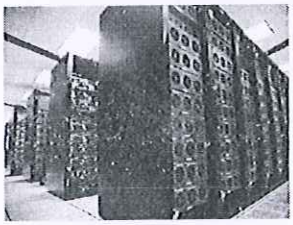

Dịch vụ Colocation

Dịch vụ Colocation cung cấp khu vực đặt máy chủ biệt lập, an toàn trong môi trường Data Center Tier-3 theo tiêu chuẩn TIA942 với cam kết uptime 99,98%. Kết nối DWDM trực tiếp từ văn phòng đến eDatacenter giúp máy chủ nằm hoàn toàn trong mạng LAN công ty

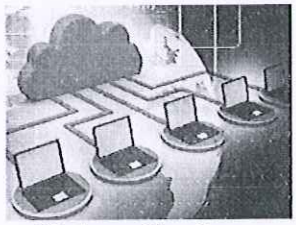

Dịch vụ Cloud server

Dịch vụ Cloud Server cung cấp các máy chủ ảo hiệu năng và linh hoạt để triển khai các ứng dụng quan trọng của Doanh nghiệp, Cloud Server phù hợp cho các nhu cầu máy chủ đột xuất , triển khai các dự án trong thời gian ngắn, thử nghiệm giải pháp, dự phòng thảm họa hoặc thậm chí thay thế hoàn toàn hệ thống máy chủ vật lý



vGuard Cloud Backup



Dịch vụ tên miền

TOTRINH21110203

Là dịch vụ sao lưu dữ liệu đảm bảo dữ liệu được sao lưu an toàn và luôn sẵn sàng phục hồi. Với phần mềm hỗi trợ sao lưu tự động, mã hóa AES và tích hợp sẵn các ứng dụng SQL Sever, Active Directory…

Dịch vụ tên miền của sẽ VNTT giúp khách hàng sở hữu tên miền thương hiệu riêng với chi phí thấp và quy trình đơn giản nhất.

- **Hệ thống cơ điện (MEP)**

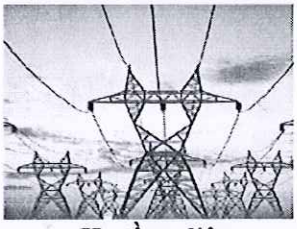

Hạ tầng điện

VNTT là đơn vị xây dựng hạ tầng uy tín nhiều năm trên địa bàn Tỉnh Bình Dương và trong khu vực. Là đơn vị có kinh nghiệm xây dựng trong các khu công nghiệp, khu công nghệ cao...triển khai các hạng mục lớn như hệ thống PCCC, xử lý nước thải, hệ thống giao thông, hệ thống trạm-trung hạ thế,.. đảm bảo chất lượng và vận hành cho các công ty, đơn vị sản xuất.



Công nghiệp – Dân dụng

Thi công hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp

Lắp đặt và thi công hệ thống điện, cấp thoát nước, HVAC và năng lượng mặt trời tại các khu dân cư và khu công nghiệp

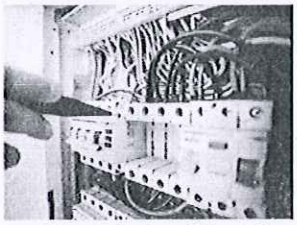

Vận hành – Bảo trì

Dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng văn phòng và nhà xưởng

- **Giải pháp Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)**

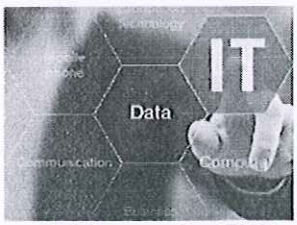

Dịch vụ quản lý IT



Cho thuê thiết bị

Dịch vụ tư vấn IT Consultation hỗ trợ doanh nghiệp từ đầu đến cuối trong quá trình triển khai một hệ thống CNTT.

Dịch vụ Người quản trị IT (IT Manager) hoạt động như bộ phận CNTT mở rộng của doanh nghiệp. Bộ phận này sẽ đảm trách mọi công việc của một phòng CNTT: từ đánh giá, tư vấn, thiết kế đến triển khai, hỗ trợ,...

Khách hàng có thể dễ dàng thuê bất kỳ thiết bị CNTT-VT nào cần thiết để đáp ứng nhu cầu sử dụng. Leasing Service được cung cấp theo mô hình linh hoạt với hợp tác chặt chẽ giữa VNTT cùng các hãng sản xuất lớn

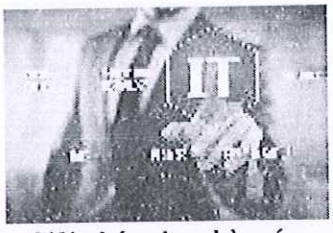

Giải pháp cho nhà máy

Giải pháp quản lý tài liệu với đầy đủ các hệ thống quản lý tài liệu thông minh và hệ thống quản lý kho hàng tiên tiến

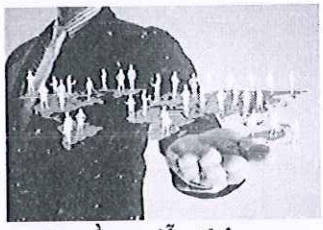

Hạ tầng viễn thông

VNTT giúp khách hàng kết nối truyền dẫn giữa các nhà máy, thiết kế và thi công các hệ thống an ninh, tự động hóa và hệ thống điều khiển

10.1.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm/lĩnh vực qua các năm (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

Doanh thu	30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Dịch vụ viễn thông	109.463	54,01%
Cơ điện hạ tầng	24.272	11,98%
Dịch vụ data center	22.525	11.11%
Dự án, bán thiết bị, phần mềm	30.463	15,03%
Bất động sản	15.950	7,87%
Tổng cộng	**202.673**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

TOTRINH21110203

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm/lĩnh vực qua các năm (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

Doanh thu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Dịch vụ viễn thông	100.505	39,68%	126.564	40,16%	109.463	54,08%
Cơ điện hạ tầng	89.872	35,48%	68.615	21,77%	24.272	11,99%
Dịch vụ data center	25.744	10,16%	30.115	9,56%	22.525	11.13%
Dự án, bán thiết bị, phần mềm	37.178	14,68%	28.781	9,13%	30.194	14,92%
Bất động sản	0	0,00%	61.058	19,38%	15.950	7,88%
Tổng cộng	**253.299**	**100,00%**	**315.133**	**100,00%**	**202.404**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

- Trong năm 2020 doanh thu từ dịch vụ viễn thông, datacenter hoàn thành/vượt kế hoạch cả năm; doanh thu dịch vụ cơ điện, từ Dự án hạ tầng viễn thông – CNTT và từ Bất động sản không đạt kỳ vọng (tỷ lệ hoàn thành trên 60,00%). Cụ thể:
  - Doanh thu Dịch vụ Viễn thông đạt trên 126 tỷ đồng, hoàn thành 117% kế hoạch;
  - Doanh thu Dịch vụ datacenter đạt trên 30 tỷ đồng, hoàn thành 99% kế hoạch;
  - Doanh thu từ dịch vụ Cơ điện xấp xỉ 69%, hoàn thành 74% kế hoạch;
  - Doanh thu từ Dự án hạ tầng viễn thông – CNTT xấp xỉ 29 tỷ, hoàn thành 64% kế hoạch;
  - Doanh thu từ Bất động sản đạt 61 tỷ, hoàn thành 76% kế hoạch.
  - Cơ cấu doanh thu năm 2020 so với năm 2019 có sự thay đổi tỷ trọng của các dịch vụ do có sự đóng góp của doanh thu từ bất động sản (năm 2019 không có), tuy nhiên viễn thông vẫn là dịch vụ có doanh thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu toàn Công ty, chiếm 51,24%; Bất động sản chiếm 19,38%; Xây dựng chiếm 24,72% và doanh thu từ hoạt động mua bán trang thiết bị chiếm 4,67% tổng doanh thu Công ty.
  - Doanh thu từ hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021 tăng nhẹ 1,4% so với cùng kỳ năm 2020; thực hiện được 55% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Cụ thể:
    - Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 205.6 tỷ đồng, tăng nhẹ 1% so 9 tháng đầu năm 2020, thực hiện 54% kế hoạch cả năm;

- Tổng chi phí 178 tỷ đồng, tăng 5% so 7 tháng đầu năm 2020, thực hiện 55% so kế hoạch cả năm.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 27.3 tỷ đồng, giảm 26% so 9 tháng đầu năm 2020, thực hiện 61% kế hoạch cả năm; Lợi nhuận sau thuế đạt 21.3 tỷ đồng, thực hiện 60% kế hoạch cả năm.

- Cụ thể:
  - Doanh thu Dịch vụ viễn thông đạt 109.5 tỷ đồng, thực hiện 75% kế hoạch cả năm;
  - Doanh thu Dịch vụ datacenter đạt 22.5 tỷ đồng, thực hiện 65% kế hoạch cả năm;
  - Doanh thu từ dịch vụ Cơ điện 24.3 tỷ, thực hiện 34% kế hoạch.
  - Doanh thu từ Dự án hạ tầng viễn thông – CNTT 30.2 tỷ, thực hiện 59% kế hoạch.
  - Doanh thu từ Bất động sản xấp xỉ 16 tỷ, thực hiện 23% kế hoạch cả năm.

10.1.3. Thị trường hoạt động

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu theo thị trường hoạt động qua các năm (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

Doanh thu	30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hóa	15.420	7,61%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	135.993	67,10%
Doanh thu hợp đồng xây dựng	35.311	17,42%
Doanh thu bất động sản	15.950	7,87%
Tổng cộng	**202.673**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu theo thị trường hoạt động qua các năm (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

Doanh thu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hóa	24.975	9,86%	14.709	4,67%	15.151	7,49%

TOTRINH21110203

Doanh thu cung cấp dịch vụ	126.780	50,05%	161.470	51,24%	135.993	67,19%
Doanh thu hợp đồng xây dựng	101.544	40,09%	77.896	24,72%	35.311	17,45%
Doanh thu bất động sản	-	0,00%	61.058	19,38%	15.950	7,88%
Tổng cộng	**253.299**	**100,00%**	**315.133**	**100,00%**	**202.404**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

- Trong năm 2020, Công ty thu được 315 tỷ đồng từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, đạt được 89,00% kế hoạch được đề ra trong Đại hội cổ đông thường niên của Công ty 2020.
- Kế hoạch Doanh thu của Công ty cho năm 2021 là 377 tỷ đồng. Trong nửa năm đầu 2021, Công ty thu được tổng doanh thu hơn 121 tỷ đồng, đạt 32,44% kế hoạch.

Bảng 8: Chi phí sản xuất kinh doanh (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	30/09/2021	
	Giá trị	% Tổng chi phí
Giá vốn hàng bán	150.062	83,64%
Chi phí tài chính	3.621	2,02%
Trong đó: Lãi vay	*3.608*	*2,01%*
Chi phí bán hàng	7.958	4,43%
Chi phí quản lý	17.725	9,88%
Chi phí khác	52	0,03%
Tổng chi phí	**179.418**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2019		2020		Tăng (giảm)	30/09/2021	
	Giá trị	% Tổng chi phí	Giá trị	% Tổng chi phí		Giá trị	% Tổng chi phí
Giá vốn hàng bán	212.083	88,60%	234.033	87,35%	10,35%	149.180	83,79%
Chi phí tài chính	(2.547)	(1,06%)	1.553	0,58%	(160,97%)	3.621	2,03%
Trong đó: Lãi vay	*5.200*	*2,17%*	*5.309*	*1,98%*	*2,09%*	*3.608*	*2,03%*
Chi phí bán hàng	9.007	3,76%	11.147	4,16%	23,77%	7.794	4,38%
Chi phí quản lý	20.311	8,48%	21.177	7,90%	4,27%	17.387	9,77%
Chi phí khác	530	0,22%	1	0,00%	(99,73%)	52	0,03%
Tổng chi phí	**239.383**	**100,00%**	**267.912**	**100,00%**	**11,92%**	**178.034**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

- Tổng chi phí tăng 11,92% so với năm 2019, thực hiện 82% kế hoạch tổng chi phí cả năm. Chủ yếu do tăng chi phí giá vốn (+10,35% so với năm 2019, tương ứng với mức tăng 24% của Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ). Cơ cấu chi phí ổn định so với năm 2019: giá vốn chiếm 87,35%, chi phí quản lý và chi phí bán hàng chiếm khoảng 8,00% và 4,00%, chi phí lãi vay khoảng 2,00%.

Bảng 10: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	30/09/2021
Tổng giá trị tài sản	482.402
Vốn chủ sở hữu	305.320
Doanh thu thuần	202.673
Lợi nhuận từ HĐKD	25.937
Lợi nhuận trước thuế	26.177
Lợi nhuận sau thuế	20.213

TOTRINH21110203

Biên lợi nhuận sau thuế	9,97%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Bảng 11: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	Tăng (giảm)	30/09/2021
Tổng giá trị tài sản	673.306	486.014	(27,82%)	481.637
Vốn chủ sở hữu	302.236	320.727	6,12%	306.435
Doanh thu thuần	253.299	315.133	24,41%	202.404
Lợi nhuận từ HĐKD	20.579	53.069	157,88%	27.051
Lợi nhuận trước thuế	92.539	60.608	(34,51%)	27.291
Lợi nhuận sau thuế	72.963	48.153	(34,00%)	21.328
Biên lợi nhuận sau thuế	28,81%	15,28%	(13,52%)	10,54%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

- VNTT đạt kết quả kinh doanh năm 2020 khả quan, hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận của Đại hội Cổ đông:
  - Lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 61 tỷ đồng, hoàn thành 178% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt trên 48 tỷ đồng, hoàn thành 182% kế hoạch;
  - Tổng doanh thu đạt 328.5 tỷ đồng, hoàn thành 91% kế hoạch;
  - Tổng chi phí cả năm bằng 82% so với kế hoạch.

10.2. Tài sản

Bảng 12: Tài sản của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	30/09/2021	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**Tài sản hữu hình**	**287.905**	**133.394**
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	18.910	12.463

TOTRINH21110203

2	Máy móc và thiết bị	205.323	89.995
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	61.410	30.146
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.501	589
5	Tài sản cố định hữu hình	761	200
II	**Tài sản vô hình**	**14.604**	**6.007**
1	Quyền sử dụng đất	3.889	3.889
2	Phần mềm máy tính	10.715	2.117
Tổng cộng		**302.509**	**139.400**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Bảng 13: Tài sản của Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**Tài sản hữu hình**	**247.144**	**146.441**	**280.551**	**150.959**	**287.905**	**133.394**
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	15.948	11.211	16.680	10.996	18.910	12.463
2	Máy móc và thiết bị	179.645	104.733	204.866	108.447	205.323	89.995
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	49.864	29.793	57.121	30.859	61.410	30.146
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	986	323	1.123	353	1.501	589
5	Tài sản cố định hữu hình	702	381	761	304	761	200
II	**Tài sản vô hình**	**12.078**	**4.271**	**14.400**	**6.256**	**14.400**	**5.804**
1	Quyền sử dụng đất	3.889	3.889	3.889	3.889	3.889	3.889
2	Phần mềm máy tính	8.188	381	10.510	2.367	10.510	1.914
Tổng cộng		**259.222**	**150.711**	**294.951**	**157.216**	**302.305**	**139.197**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

TOTRINH21110203

10.3. Báo cáo tình hình đầu tư

- Tổng giá trị đầu tư hoàn thành đưa tài sản vào sử dụng năm 2019 đạt 17.3 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

Bảng 14: Tổng hợp giá trị đầu tư năm 2019

ĐVT: triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư chính	Giá trị	Thời gian triển khai và hoàn thành đưa vào sử dụng
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng mạng viễn thông	5.460	Năm 2019
2	Mua mới máy móc thiết bị dùng cung cấp dịch vụ viễn thông và data center	8.502	Năm 2019
3	Mua mới thiết bị, máy móc phục vụ quản lý	1.341	Năm 2019
4	Mua mới phương tiện vận tải	1.909	Năm 2019
6	Mua mới phần mềm phục vụ quản lý	44	Năm 2019
TỔNG CỘNG		**17.256**	

- Tổng giá trị đầu tư hoàn thành đưa tài sản vào sử dụng năm 2020 đạt 36.526 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

Bảng 15: Tổng hợp giá trị đầu tư năm 2020

ĐVT: triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư chính	Giá trị	Thời gian triển khai và hoàn thành đưa vào sử dụng
1	Mua mới phần mềm hệ thống quản lý văn phòng điện tử EOffice	2.322	Năm 2020
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng cáp, cống bể viễn thông	5.603	Năm 2020
3	Mua mới hệ thống tổng đài, hệ thống core router, core firewall phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông và data center	20.552	Năm 2019-2020
4	Đầu tư xây dựng văn phòng giao dịch	1.542	Năm 2020
5	Mua mới máy móc thiết bị dùng cung cấp dịch vụ viễn thông và data center	4.714	Năm 2020
6	Mua mới thiết bị, máy móc phục vụ quản lý	824	Năm 2020
7	Xây dựng hệ thống điện năng lượng mặt trời	439	Năm 2020

TOTRINH21110203

8	Thuê hạ tầng cống bể của đối tác	540	Năm 2020
TỔNG CỘNG		**36.536**	

- Tổng giá trị đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông theo kế hoạch năm 2021. Chi tiết như sau:

Bảng 16: Tổng hợp giá trị đầu tư hạ tầng viễn thông năm 2021

ĐVT: triệu đồng

STT	Diễn giải	Giá trị	Thời gian triển khai
1	Dự án cải tạo và đầu tư hạ tầng viễn thông khu vực Mỹ Phước 3	8.959	Quý 1/2021
2	Dự án đầu tư hạ tầng viễn thông khu vực Mỹ Phước 4	23.357	Quý 2/2021
3	Dự án cải tạo tuyến cáp trục và đầu tư hạ tầng khu vực Bàu Bàng	14.281	Quý 2/2021
4	Dự án cải tạo POP Bình Phước và đầu tư hạ tầng khu vực Bình Phước	21.862	Quý 2/2021
5	Dự án ngầm hóa tuyến cáp trục, đầu tư phòng giao dịch TPM và đầu tư hạ tầng khu vực VSIP 2 VÀ VSIP 2 mở rộng (VSIP 2A)- Bình Dương	13.134	Quý 1/2021
6	Dự án đầu tư hạ tầng khu vực Hải Phòng	3.063	Quý 3/2021
7	Dự án đầu tư xây dựng điểm giao dịch và phòng máy Quảng Ngãi (POP Quảng Ngãi)	5.155	Quý 4/2021
8	Dự án xây dựng hạ tầng cáp viễn thông khu dân cư Mỹ Phước 1, Mỹ Phước 2 giai đoạn 1	3.500	Quý 3/2021
TỔNG CỘNG		**93.311**	

- **Mô tả hạng mục đầu tư theo kế hoạch 2021 của Công ty:**

Dự án cải tạo và đầu tư hạ tầng viễn thông khu vực Mỹ Phước 3

a) Đánh giá hiện trạng:

- Do điều kiện phát triển và quy hoạch hạ tầng tại khu dân cư Mỹ Phước 3 có sự thay đổi, phát sinh thêm một số tuyến đường mới phục vụ nhu cầu của các chủ đầu tư, các cụm khu dân cư dẫn đến việc VNTT phải đầu tư bổ sung thêm một số tuyến hạ tầng cống bể, kịp thời cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- Dự án ECOHOME 2 do Công ty CP SetiaBecamex làm chủ đầu tư, đã và đang xây dựng khu phố thương mại, biệt thự, nhà liền kề: cụm R5D&R11 gồm 344 căn và R8AB gồm 690 căn nhà liền kề,

TOTRINH21110203

dự kiến tháng 09/2021 bàn giao nhà. Hiện khu vực vẫn chưa có hạ tầng Viễn thông nội bộ và đường kết nối đến Hạ tầng viễn thông hiện hữu của VNTT

b) Mục tiêu cải tạo và đầu tư:

- Đảm bảo nguồn tài nguyên cơ sở hạ tầng sẵn sàng cung cấp đa dịch vụ viễn thông: internet, thoại, truyền hình,...
- Đảm bảo độ an toàn của mạng lưới và mỹ quan của công trình.

c) Quy mô cải tạo và đầu tư:

- Cải tạo và đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng khu dân cư Mỹ Phước 3 (Khu I, J, H, K, F, G)
- Đầu tư hạ tầng viễn thông khu Ecohome 2 (R5D, R11 và R8AB)
- Phục vụ hơn 3.000 thuê bao trong vòng 06 năm tới.

Dự án đầu tư hạ tầng viễn thông khu vực Mỹ Phước 4:

a) Đánh giá hiện trạng:

- Khu dân cư Thới Hòa đang được VNTT cung cấp dịch vụ viễn thông từ năm 2019 trên hạ tầng viễn thông tạm (treo trụ điện), chưa được đầu tư hạ tầng viễn thông hoàn chỉnh và đồng bộ, dẫn đến những bất cập trong quá trình triển khai cung cấp dịch vụ và xử lý sự cố.
- Dự án Ngũ Tượng Khải Hoàn do Becamex ITC làm chủ đầu tư, đang trong quá trình xây dựng và dự kiến bàn giao trong quý 4/2021.
- Dự án nhà xưởng xây sẵn do Công Ty BW làm chủ đầu tư với quy mô 3,6 ha gồm 5 nhà xưởng với 4 xưởng, VNTT đang cung cấp dịch vụ trên hạ tầng tạm.

b) Mục tiêu đầu tư:

- Đầu tư hạ tầng viễn thông hoàn chỉnh để kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng trong khu.
- Nâng cao vị thế và hình ảnh của Công ty, giảm thiểu sự cố dịch vụ liên quan đến hạ tầng viễn thông.

c) Quy mô đầu tư:

- Đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng viễn thông khu Dân cư Thới Hòa, khu nhà xưởng xây sẵn BW và dự án Ngũ Tượng Khải Hoàn
- Phục vụ hơn 4.000 thuê bao trong vòng 06 năm tới.

Dự án cải tạo cải tạo tuyến cáp trục và đầu tư hạ tầng khu vực Bàu Bàng:

a) Đánh giá hiện trạng:

- Hạ tầng Viễn thông trong Hợp đồng Thi công trong khu Công nghiệp và Dân cư Bàu Bàng giữa VNTT và Becamex không đủ đáp ứng yêu cầu ngầm hóa tuyến cáp kết nối từ tủ tập trung đến các tủ tập điểm theo Thiết kế tuyến cáp đã thống nhất với NTT.
- Tương tự như Khu Công Nghiệp Mỹ Phước trước đây, trong giai đoạn đầu do chưa có mặt bằng để triển khai hạ tầng cống bể ngầm (hạ tầng cống bể ngầm chưa xây dựng hoàn chỉnh) VNTT đã xin

chủ trương của Tổng công ty Becamex IDC và BQL Khu Công Nghiệp Bàu Bàng cho treo tạm cáp quang viễn thông để kịp thời đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ của khách hàng, khi hạ tầng cống bể ngầm được xây dựng hoàn chỉnh, VNTT sẽ hạ ngầm các tuyến cáp treo tạm này. Và hiện nay, hạ tầng cống bể đang được duy tu sửa chữa và xây dựng mới, nhu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng ở các khu vực này có xu hướng gia tăng, hạ tầng tạm không đáp ứng được việc cung cấp dịch vụ.

b) Mục tiêu đầu tư:

- Nhu cầu cần thiết phải tiến hành đầu tư tiếp tuyến Hạ tầng Viễn thông Phase 1,2,3 trong khu vực Khu dân cư ấp 5, thị xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng.
- Xây dựng hạ tầng ngầm hóa tuyến cáp kết nối từ tủ tập trung đến tủ tập điểm theo Thiết kế tuyến cáp đã thống nhất với NTT.
- Xây dựng hệ thống cáp quang giai đoạn 2 cho Khu công nghiệp Bàu Bàng.

c) Quy mô xây dựng:

- Đầu tư hạ tầng viễn thông khu dân cư D,F,E và một phần khu A (khu chợ), đồng thời cải tạo lại tuyến cáp trục số 14 từ Mỹ Phước lên Bàu Bàng.
- Phục vụ hơn 6.000 thuê bao trong vòng 06 năm tới.

Dự án cải tạo POP Bình Phước và đầu tư hạ tầng khu vực Bình Phước

a) Đánh giá hiện trạng:

- Khu công nghiệp Becamex – Bình Phước thuộc địa bàn huyện Chơn Thành tỉnh Bình Phước, có diện tích 4,600 ha, trong đó khoảng 2,400 ha đất phát triển công nghiệp và 2,200 ha đất dịch vụ và đô thị.
- Khu công nghiệp Becamex – Bình Phước có vị trí giao thông rất thuận lợi, nằm ngay trên tuyến Quốc lộ 14, thuộc vùng cửa ngõ giao thương quan trọng giữa Đông Nam bộ và miền Trung Tây nguyên. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bình Phước là một tỉnh có vị thế chiến lược tuyệt vời cho đầu tư sản xuất công nghiệp, phục vụ nhu cầu trong nước và cả khu vực Châu Á. Tiếp giáp với Bình Dương và gần kề TP.HCM, Bình Phước được thừa hưởng toàn bộ tiện ích từ cơ sở hạ tầng và dịch vụ cả hai đô thị này.
- Song song với phát triển công nghiệp, Khu công nghiệp Becamex – Bình Phước cũng đang thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư bởi kiến trúc hiện đại, tiện nghi, phù hợp với cảnh quan khu vực tạo nên một tổng thể kiến trúc tuyệt đẹp và độc đáo.
- Công ty đã triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông cho khách hàng tại Khu Công nghiệp Becamex Bình Phước bắt đầu từ cuối năm 2018. Tính đến nay, Công ty đã cung cấp dịch vụ viễn thông cho hơn 15 khách hàng doanh nghiệp lớn, và hơn 50 khách hàng cá nhân thuộc dự án nhà ở công nhân.
- Công ty đã ký hợp đồng hợp tác với VNPT Bình Phước theo hợp đồng khung giữa VNPT và Becamex với các tỷ lệ phân chia tương đương với VNPT Bình Dương.
- Tuy nhiên, Công ty hiện chưa đầu tư phòng máy (tín hiệu cung cấp đến khách hàng đấu nối qua trung gian các nhà mạng) và hiện đang thuê 1 phòng với diện tích 30m2 làm Phòng giao dịch.

TOTRINH21110203

b) Mục tiêu cải tạo và đầu tư:

- Cải tạo điểm giao dịch và xây dựng phòng máy tập trung cung cấp dịch vụ cho toàn Khu Công nghiệp Becamex Bình Phước. (Vị trí dự kiến tại giao lộ D3B – N3B, KCN Becamex Bình Phước)
- Nâng cao vị thế và hình ảnh của Công ty. Chủ động cung cấp dịch vụ và đáp ứng nhu cầu mở rộng và phát triển của khách hàng trong Công nghiệp Becamex Bình Phước.

c) Quy mô cải tạo và đầu tư:

- Cải tạo địa điểm giao dịch và đầu tư phòng máy POP Bình Phước
- Đầu tư hạ tầng viễn thông cho KDC và KCN thuộc khu B (ấp 1, ấp 4) Becamex Bình Phước.
- Đầu tư hạ tầng viễn thông phục vụ KCN và KDC thuộc khu A Becamex Bình Phước.
- Phục vụ hơn 5.000 thuê bao trong vòng 06 năm tới.

Dự án ngầm hóa tuyến cáp trục, đầu tư phòng giao dịch TPM và đầu tư hạ tầng khu vực VSIP 2 VÀ VSIP 2 mở rộng (VSIP 2A)- Bình Dương

a) Đánh giá hiện trạng:

- Hiện VNTT đang cung cấp dịch vụ cho hơn 1,000 khách hàng thuộc khu công nghiệp và đô thị VSIP 2A. Do nhu cầu mở rộng phát triển khách hàng cùng với các dự án đô thị của VSIP, cần thiết thành lập địa điểm giao dịch tại VSIP 2A nhằm phục vụ khách hàng khu vực này.
- Ngoài ra, theo lộ trình phát triển khách hàng khu vực TPM, VNTT mở rộng hệ thống phòng giao dịch tại khu vực TPM để kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng.

b) Mục tiêu đầu tư:

- Cải tạo phòng giao dịch VSIP 2A và TPM bao gồm trang trí nội thất để đi vào hoạt động nhằm nâng cao vị thế và hình ảnh của Công ty, kịp thời đáp ứng nhu cầu phát triển của khách hàng trong khu.
- Ngầm hóa một số tuyến cáp trục để đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển khách hàng khu VSIP 2A.

c) Quy mô đầu tư:

- Đầu tư mới hạ tầng cáp viễn thông Khu NOXH Định Hòa, NOCN Hòa Lợi – gđ 1, KDC Vĩnh Tân – gđ2, Sora Garden 2, Suncasa – gđ 2.
- Đầu tư tuyến cáp trục kết nối VS2-VS2A và một số tuyến cáp trục kết nối về các khu.
- Cải tạo PGD VS2A và TPM.
- Phục vụ hơn 2.000 thuê bao trong vòng 06 năm tới.

Dự án đầu tư hạ tầng khu vực Hải Phòng:

a) Đánh giá hiện trạng:

- Từ năm 2014 VNTT đã đầu tư hạ tầng viễn thông và cung cấp dịch vụ cho KCN tại VSIP Hải Phòng. Theo lộ trình phát triển, năm 2020 VSIP Hải Phòng chính thức triển khai dự án khu đô thị

- dịch vụ thuộc VSIP Hải Phòng, gồm: Dự án Centa City Hải Phòng và Dự án Bellhome Hải Phòng. Do đó VNTT cần đầu tư hạ tầng viễn thông kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

b) Mục tiêu đầu tư:

- Đầu tư toàn bộ hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ cho Khu đô thị - dịch vụ tại Hải Phòng, giai đoạn đầu triển khai 02 dự án Centa City và Belhomes.

c) Quy mô đầu tư hạ tầng :

- Phục vụ hơn 2.000 thuê bao trong vòng 06 năm tới.

Dự án xây dựng điểm giao dịch và phòng máy Quảng Ngãi (POP Quảng Ngãi):

a) Đánh giá hiện trạng:

- Khu Công nghiệp – Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi nằm tại xã Tịnh Phong và Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, thuộc Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi được khởi công xây dựng từ năm 2013. Dự án có diện tích qui hoạch 1.700ha, trong đó bao gồm Khu Công nghiệp và Khu đô thị dịch vụ.
    - Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi với diện tích 1.143 ha đã thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước với các ngành thực phẩm – nước giải khát, các mặt hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), lắp ráp linh kiện điện tử và May mặc, May túi, May giày, Dệt, Cơ khí chính xác và các ngành công nghiệp nhẹ khác.
    - Khu đô thị và dịch vụ VSIP Quảng Ngãi với diện tích 554 ha được xây dựng theo mô hình khu dân cư mới xanh – sạch – đẹp, phù hợp với nhu cầu sống của cư dân hiện nay. Thiết kế khu đô thị và dịch vụ VSIP Quảng Ngãi không chỉ nhằm mục đích phát triển khu dân cư mà còn chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ tiện ích giúp khách hàng có nhiều lựa chọn.
- Khu dịch vụ hỗn hợp VSIP Quảng Ngãi tọa lạc tại mặt tiền đường QL1A thuộc địa phận Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi với tổng diện tích 44.75 ha. Là khu dịch vụ hỗn hợp với hạ tầng được quy hoạch xây dựng đồng bộ, hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi và các khu lân cận.
- Công ty đã triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông cho khách hàng tại Khu Công nghiệp – Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi bắt đầu từ cuối năm 2014. Tính đến nay, Công ty đã cung cấp dịch vụ viễn thông cho hơn 250 khách hàng tại Khu công nghiệp – Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi, và hơn 20 khách hàng tại Khu dịch vụ hỗn hợp VSIP Quảng Ngãi
- Công ty đã ký hợp đồng hợp tác với VNPT Quảng Ngãi theo hợp đồng khung giữa VNPT và Becamex với các tỷ lệ phân chia tương đương với VNPT Bình Dương.
- Tuy nhiên, Công ty mới trang bị POP tạm là 01 Container (gồm 01 tủ Rack) và đang thuê 1 phòng 40m^2 làm Phòng giao dịch.

b) Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng điểm giao dịch và phòng máy tập trung cung cấp dịch vụ cho toàn Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi.

TOTRINH21110203

- Nâng cao vị thế và hình ảnh của Công ty, đón đầu cho sự phát triển khu Đô thị - Dịch vụ trong năm 2021 tại VSIP Quảng Ngãi.

c) Quy mô xây dựng POP VSIP Quảng Ngãi:

- Diện tích khuôn viên: 300 m2.
- Diện tích xây dựng POP: 100 m2.
- Phục vụ hơn 300 thuê bao trong vòng 06 năm tới.

Dự án Xây dựng hạ tầng cáp viễn thông khu dân cư Mỹ Phước 1, Mỹ Phước 2 giai đoạn 1

a) Đánh giá hiện trạng:

- Do điều kiện phát triển và quy hoạch hạ tầng tại khu dân cư Mỹ Phước 1, 2 có sự thay đổi, phát sinh thêm một số tuyến đường mới phục vụ nhu cầu của các chủ đầu tư, các cụm khu dân cư dẫn đến việc VNTT phải đầu tư bổ sung thêm một số tuyến hạ tầng cống bể, kịp thời cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

b) Mục tiêu đầu tư:

- Đảm bảo nguồn tài nguyên cơ sở hạ tầng sẵn sàng cung cấp đa dịch vụ viễn thông: internet, thoại, truyền hình,...
- Đảm bảo độ an toàn của mạng lưới và mỹ quan của công trình.

c) Quy mô đầu tư:

- Đầu tư hạ tầng cáp viễn thông cho khu dân cư Mỹ Phước 1,2 (giai đoạn 1) .
- Phục vụ hơn 2.000 thuê bao trong vòng 06 năm tới.

10.4. Các hợp đồng lớn

STT	Khách hàng	Ngày ký	Số hợp đồng	Số tiền (triệu đồng)	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với ban quản trị và cổ đông lớn Công ty
1	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật	25/06/2021	22/HĐTCXD/2021/IJC-VNTT	18.600	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 25/6/2021 – 24/11/2021	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
2	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật	25/06/2021	23/HĐTCXD/2021/IJC-VNTT	7.100	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 25/6/2021 – 24/11/2021	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS

3	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật	25/06/2021	06/HĐTC/2021/VNTT-IJC	6.872	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 25/6/2021 – 24/11/2021	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
4	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước	12/06/2021	75/6/2021/HĐTC/BCMBP-VNTT	1.450	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 12/6/2021 – 11/11/2021	Không có
5	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước	13/05/2021	55/5/2021/HĐTC/BCMBP-VNTT	1.492	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 13/5/2021 – 12/10/2021	Không có
6	CTCP SetiaBecamex	05/05/2021	EcoLakes/Cont (M&E) - 2340	30.200	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 5/5/2021 – 20/8/2021	Không có
7	CTCP SetiaBecamex	14/04/2021	EcoLakes/Cont (M&E) - 2338	2.901	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 14/4/2021 – 13/8/2021	Không có
8	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật	02/04/2021	04/HĐDV/2021/VNTT-IJC	1.359	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện nhẹ	Từ ngày 2/4/2021 – 1/6/2021	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
9	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước	01/03/2021	24/03/2021/HĐKT/BBP-VNTT	1.337	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện nhẹ	Từ ngày 1/3/2021 – 25/6/2021	Không có
10	Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam Singapore	01/02/2021	VSIP/M&E/20254	1.139	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 1/2/2021 – 17/3/2021	Chủ tịch HĐQT
11	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật	28/11/2020	131/11/2020/HĐKT/BCMBP-VNTT	3.542	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp	Từ ngày 28/11/2020	Không có

TOTRINH21110203

	Becamex - Bình Phước				đặt kèm vật tư công trình điện	– 11/5/2021	
12	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật	01/10/2020	011020/HĐKT/2020/ITD-VNTT-IJC	8.819	Dịch vụ thi công , lắp đặt kèm vật tư hệ thống điện nhẹ	Từ ngày 01/10/2020 – 28/7/2021	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
13	Tổng công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - CTCP	27/08/2020	60/08/2020/HĐ VT/HĐ	6.477	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 15/9/2020 – 15/12/2020	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, cổ đông lớn
14	CTCP SetiaBecamex	18/08/2020	ECOLAKES/CONT (M&E)-2314	15.240	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 20/8/2020 – 29/12/2020	Không có
15	Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam Singapore	23/06/2020	VSIP/M&E/20099	1.642	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 23/6/2020 – 4/2/2021	Chủ tịch HĐQT
16	Tổng công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - CTCP	12/06/2020	38/06/2020/HĐ VT/HĐ	2.687	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 29/6/2020 – 29/9/2020	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, cổ đông lớn
17	Tổng công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - CTCP	12/06/2020	60/05/2020/HĐ VT/HĐ	1.634	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện nhẹ	Từ ngày 12/6/2020 – 28/10/2020	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, cổ đông lớn
18	Tổng công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - CTCP	26/05/2020	68/05/2020/HĐ VT/HĐ	3.217	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 15/6/2020 – 30/8/2020	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, cổ đông lớn
19	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước	25/05/2020	56/5/2020/HĐ KT/BCMBP-VNTT	1.788	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 25/5/2020 – 24/11/2020	Không có

20	Công ty TNHH Becamex Tokyu	22/05/2020	BTC-VNTT/20200522	2.128	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 22/5/2020 – 8/10/2020	Không có
21	CTCP xây dựng và giao thông Bình Dương	07/05/2020	001/05/2020/HĐDV/BCE-VNTT	2.906	Cung cấp phần mềm eoffice và thuê máy chủ	Từ ngày 07/5/2020 – 06/5/2023	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
22	CTCP xây dựng và giao thông Bình Dương	07/05/2020	001/05/2020/HĐDV/BCE-VNTT	1.544	Dịch vụ viễn thông, bán phần mềm	Từ ngày 7/5/2020 – 18/5/2021	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
23	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật	01/04/2020	16/2020/HĐTC/VNTT-IJC	2.292	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện nhẹ	Từ ngày 1/4/2020 – 28/5/2021	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
24	CTCP Becamex Bình Định	24/03/2020	2403/2020/HDDV/VNTT-BCMBD	2.624	Cung cấp phần mềm eoffice và thuê máy chủ	Từ ngày 24/3/2020 – 23/3/2023	Không có
25	Tổng công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - CTCP	11/03/2020	31/03/2020/HĐVT/HĐ	2.661	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Từ ngày 30/3/2020 – 30/12/2020	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, cổ đông lớn
26	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum	06/02/2020	0602/2020/HĐ 03	2.416	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình mạng nội bộ	Từ ngày 6/2/2020 – 5/6/2020	Không có
27	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước	03/02/2020	11/02/2020/HĐDV/BCMBP-VNTT	2.845	Cung cấp phần mềm eoffice và thuê máy chủ	Từ ngày 03/2/2020 – 02/2/2023	Không có
28	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước	03/02/2020	11/02/2020/HĐDV/BCMBP-VNTT	1.544	Dịch vụ viễn thông, bán phần mềm	Từ ngày 3/2/2020 – 25/12/2020	Không có

TOTRINH21110203

29	CTCP phát triển hạ tầng kỹ thuật	20/12/2019	001/12/2019/HĐDV/IJC-VNTT	2.845	Cung cấp phần mềm eoffice và thuê máy chủ	Từ ngày 20/12/2019 – 19/12/2022	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
30	CTCP kinh doanh và phát triển Bình Dương	20/12/2019	002/12/2019/HĐDV/TDC-VNTT	2.845	Cung cấp phần mềm eoffice và thuê máy chủ	Từ ngày 20/12/2019 – 19/12/2022	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
31	Công ty CP Nông nghiệp quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	10/05/2019	30/2019/HĐKT/VNTT-HAGL	2.605	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình Công nghệ tin học	Từ ngày 10/5/2019 – 23/9/2019	Không có

10.5. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

TT	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ với ban quản trị và cổ đông lớn Công ty
1	Tổng công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - CTCP	8.237	31/08/2020	Cung cấp phần mềm	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, cổ đông lớn
		8.180	31/07/2019	Cung cấp phần mềm	
		6.354	19/12/2019	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	
		3.444	22/01/2020	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện nhẹ	
		2.860	06/12/2019	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình thoát nước, PCCC	
		2.500	27/07/2020	Phần mềm	
2	Công ty Liên Doanh TNHH Khu công	1.730	31/12/2020	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công	Chủ tịch HĐQT

	nghiệp Việt Nam Singapore			trình hạ tầng viễn thông	
		1.661	04/02/2021	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	
3	CTCP Phát triển hạ tầng kỹ thuật	10.095	27/12/2019	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
		8.057	27/12/2019	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	
		3.634	27/12/2019	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	
		3.300	25/12/2020	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	
4	CTCP kinh doanh và phát triển Bình Dương	4.970	31/12/2020	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
		3.688	20/05/2021	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	
		1.704	31/12/2019	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện nhẹ	
5	CTCP xây dựng và giao thông Bình Dương	7.090	24/12/2019	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	Thành viên HĐQT, Thành viên BKS
		3.703	23/08/2019	Dịch vụ thiết kế, thi công, lắp đặt kèm vật tư công trình điện	

TOTRINH21110203

10.6. Vị thế của Công ty trong ngành

10.6.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Một trong những cổ đông chính của VNTT là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). VNPT là doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông hang đầu tại Việt Nam. VNTT và VNPT đã có những cam kết thỏa thuận hợp tác chiến lược trong việc sử dụng mạng lưới, phối hợp cung cấp dịch vụ viễn thông trong nước và quốc tế.

VNTT và Tập đoàn VNPT đã có thỏa thuận hợp tác chiến lược (dựa trên hợp đồng khung hợp tác giữa Tổng Công ty Becamex IDC và Tập đoàn VNPT) để đầu tư và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin trong các khu VNTT được khai thác, cung cấp dịch vụ. Giá trị đầu tư giai đoạn 1 của đối tác VNPT tỉnh Bình Dương (VNPT BDG) đạt hơn 1.000.000 USD đảm bảo phục vụ cho 3.000 thuê bao sử dụng dịch vụ thoại, dịch vụ truy nhập Internet và dịch vụ truyền hình IPTV.

Đối thủ cạnh tranh chính của Công ty là các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông Internet (ISP) khác không có thỏa thuận hợp tác chiến lược nhưng có khả năng cung cấp các dịch vụ viễn thông tương tự VNTT trên các địa bàn hoạt động của VNTT. Ví dụ như SPT, Hanoi Telecom, Netnam, LCS, SaigonTel.

VNTT là Công ty thành viên của Tổng Công ty Becamex, do đó hoạt động kinh doanh các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin của VNTT gắn liền chặt chẽ với chiến lược phát triển chung của Tông Công ty Becamex, thực hiện nhiệm vụ thu hút đầu tư và tang sức cạnh tranh cho các khu công nghiệp, khu dân cư của Becamex và VSIP đầu tư.

VNTT đã hình thành và phát triển đầy đủ các lĩnh vực hỗ trợ cho các nhà đầu tư, khách hang trong các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị dịch vụ và thương mại bao gồm: Xây dựng hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống điện, cơ điện; Cung cấp dịch vụ viễn thông, trung tâm dữ liệu và các dịch vụ gia tang khác trên Internet … đáp ứng đầy đủ các yêu cầu khắt khe và đa dạng của khách hang.

Về lĩnh vực dịch vụ Viễn thông: VNTT được biết đến là nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trọn gói trong các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị dịch vụ của Becamex và VSIP đầu tư, tập trung tại tỉnh Bình Dương và mở rộng ra các tỉnh thành khác như Bình Phước, Quảng Ngãi, Bắc Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Hải Dương …

Lĩnh vực dịch vụ Trung tâm dữ liệu: Trung tâm dữ liệu của VNTT là một trong số Trung tâm dữ liệu lớn của Việt Nam, được đầu tư hoàn chỉnh theo các tiêu chuẩn khắt khe Tier-3. Phân khúc khách hàng chính của Trung tâm dữ liệu VNTT là các Ngân hàng, công ty đầu tư tài chính …

Lĩnh vực dịch vụ cơ điện (M&E): VNTT tham gia vào lĩnh vực cơ điện chủ yếu ở thị trường tỉnh Bình Dương và Bình Phước. VNTT đang đẩy mạnh xây dựng và phát triển đội ngũ có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực M&E để đảm bảo thi công các công trình đáp ứng được yêu cầu của các Chủ đầu tư.

10.6.2. Triển vọng phát triển của ngành

Mặc dù hiện tại kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với một số khó khăn và thách thức nhất định, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước tin rằng trong dài hạn kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển vượt bật. Năm 2019, kinh tế Việt Nam tiếp tục cho thấy có nền tảng mạnh và khả năng chống chịu cao, nhờ nhu cầu trong nước và sản xuất định hướng xuất khẩu vẫn ở mức cao. GDP thực tăng ước khoảng 7% trong năm

2019, tương tự tỉ lệ tăng trưởng năm 2020, tuy bị ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh Covid-19, tỷ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng 2,9%.

Bên cạnh đó lạm phát trong năm 2020 cũng được kiểm soát, tăng chỉ 3,23% so với năm 2019. Đây là mức tăng nhẹ so với 2019 (tăng 0,19%).

Việt Nam là nước có dân số trẻ với 70% dân số có độ tuổi dưới 40. Dân số trẻ và đang trong độ tuổi lao động là một nhân tố thúc đẩy sự tăng trưởng nhu cầu tiêu dùng của Việt Nam trong các năm tới. Theo thống kê của Worldbank, trong năm 2020, thu nhập khả dụng bình quân đầu người của Việt Nam đạt 2.786 USD và con số này được dự đoán sẽ đạt 5.700 USD vào năm 2030 (Euromonitor).

Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang nỗ lực giải quyết nợ xấu và lành mạnh hóa tình hình tài chính của tổ chức tín dụng nói riêng và hệ thống ngân hàng nói chung.

Trong năm 2020, có tổng cộng 2.523 dự án FDI được cấp mới và 14,7 tỷ USD đã được giải ngân. Việt Nam cũng đã hoàn tất thương lượng một số hiệp định thương mại tự do quan trọng, trong đó có Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU, dòng vốn FDI được kỳ vọng sẽ tiếp tục được rót vào thị trường Việt Nam. Đặc biệt, Quốc hội cũng thông qua Nghị quyết phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP hay TPP-11) cùng các văn kiện liên quan. Điều này là cơ hội cho Việt Nam khi tham gia CPTPP như thị trường lớn hơn, ưu đãi hơn, cơ cấu xuất nhập khẩu của Việt Nam với 10 nước còn lại bổ sung nhiều hơn là cạnh tranh.

Với tình hình thực tế đòi hỏi ngày càng nhiều ứng dung khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ, ngành công nghiệp CNTT trong thới gian tới sẽ tiếp tục phát triển và trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật chủ lực, tăng trưởng nhanh và bền vững, là ngành đi đầu, có vai trò dẫn dắt, tạo nền tảng cho quá trình chuyển sang kinh tế tri thức. CNTT sẽ được ứng dụng rộng rãi và hiệu quả trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Việt Nam là một trong những quốc gia dẫ đầu trong xếp hạng của Liên hiệp quốc về mức độ sẵn sang Chính phủ điện tử, các dịch vụ công cơ bản được cung cấp trên mạng cho người dân và doanh nghiệp ở mức độ 4 (Thanh toán phí dịch vụ, nhận kết quả dịch vụ qua mạng); 100% các ngành công nghiệp then chốt của đất nước, các doanh ngheip56 và tổ chức xã hội ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh.

10.6.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

VNTT không ngừng nỗ lực, liên tục đổi mới,làm phong phú các dịch vụ cung cấp cho khách hàng. VNTT không ngừng mở rộng và nâng cấp hạ tầng mạng viễn thông: Mạng truy nhập hoàn toàn sử dụng công nghệ GPON tiên tiến. Kết nối đường trục dung lượng lớn của VNTT sử dụng công nghệ DWDM. Với nền tảng hạ tầng đồng bộ tại nhiều KCN ở Bình Dương và các KCN VSIP Bắc Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ngãi…, cho phép chúng tôi cung cấp đến doanh nghiệp các dịch vụ viễn thông với tính ổn định và tốc độ cao.

Đối với dịch vụ DC, danh mục dịch vụ liên tục mở rộng với hệ thống dự phòng Cloud DR, công cụ backup/restore, giải pháp sao lưu Cloud Backup, gói dịch vụ ICT đa dạng One Stop Shop bao gồm Web Hosting, Mail Hosting, trích xuất dữ liệu, camera giám sát, phần mềm quản lý,… VNTT không ngừng nỗ lực hiện đại hóa công nghệ, gia tăng tối đa sức mạnh đường truyền, tìm kiếm những giải pháp ngày càng tân tiến để đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng và phức tạp của khách hàng.

VNTT đưa ra cách thức kinh doanh phù hợp hơn với điều kiện thực tế và nhu cầu của thị trường. Điển hình bằng việc mở rộng thị trường và đa dạng đối tượng khách hàng trong và ngoài nước. Từ chiến lược kinh doanh đơn lẻ, VNTT mạnh dạn chuyển sang kinh doanh dịch vụ kết hợp, trọn gói, nhằm tối ưu hóa tài nguyên, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng và mang lại giá trị gia tăng trong dịch vụ cung cấp. Nhờ đó, thu hút đối tượng khách hàng sang phạm vi các Tập đoàn lớn.

Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

Đổi mới để phát triển, nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đóng góp vào công cuộc đổi mới của tỉnh nhà, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập, phúc lợi cho người lao động.

10.7. Hoạt động Marketing

- Tổ chức, quản lý, điều hành và phối hợp các Bộ phận có liên quan trong Công ty thực hiện các hoạt động tổ chức sự kiện, quảng bá, tiếp thị, truyền thông liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.
- Hợp tác với tập đoàn Viễn thông số 1 Nhật Bản là NTT để xây dựng thương hiệu J-Smart trong việc cung cấp các dịch vụ Viễn Thông, Công nghệ Thông tin chất lượng Nhật Bản.
- Liên tục đạt được nhiều giải thưởng: Top ICT (2017,2018), Top Công ty công nghệ uy tín (2019, 2020).

10.8. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã thực hiện đăng ký việc đăng ký các nhãn hiệu sau với Cục Sở hữu Trí thuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ:

Logo:

Theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 304028 cấp ngày 31/07/2018 bởi Cục Sở hữu Trí thuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

10.9. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Với sự cạnh tranh khốc liệt về nguồn nhân sự chất lượng cao như hiện này, VNTT đã quyết định mở ra công ty con Công ty TNHH Giải pháp VNTT (VNTTS) với một cơ chế mở hơn để có thể thu hút được các nhân tài công nghệ về thực hiện việc các việc nghiên cứu và phát triển xoay quanh cách trục:

- Nghiên cứu và phát triển các giải pháp cho người dân và công nhân trong khu công nghiệp và thành phố mới Bình Dương nhằm đem lại những dịch vụ có giá trị gia tăng cao trên cơ sở kết nối các hệ sinh thái của Becamex lại với nhau: trường học, bệnh viện, khu dân cư, etc.
- Làm chủ các công nghệ mới nhất để có thể trả lời và giải quyết các bài toán hiện hữu của tập đoàn và khách hàng: Cloud, IoT, AI, BigData, Low-code, etc.
- Áp dụng công nghệ để giải quyết các bài toán của các khách hàng trong khu công nghiệp: ERP, MES, GIS, RPA tự động hoá, tiết kiệm điện năng.

- Hợp tác nghiên cứu cùng các hãng lớn có tiếng trên thế giới để cùng nhau phát triển ra giải pháp hiện hữu nhằm giải quyết các bài toán như tiêu thụ điện năng, tự động hoá cho các khu công nghiệp: Schneider, ABB, MS, IBM, etc.

10.10. Chiến lược kinh doanh

Chiến lược kinh doanh trong giai đoạn 2020 – 2025:

- Trở thành một công ty hàng đầu M&E-ICT (Mechanical & Electrical- Information and Communication Technology) chuyên cung cấp những dịch vụ trong lĩnh vực cơ điện, tin học và viễn thông dựa trên một nền tảng hạ tầng công nghệ mới đảm bảo đáp ứng các yêu cầu cho hiện tại và tương lai.
- Tiếp cận với những công nghệ mới nhất để đảm bảo cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu & hiệu quả cho khách hàng.
- Hợp tác với những đối tác có công nghệ phát triển và hiểu rõ môi trường kinh doanh của Việt Nam.
- Xây dựng một hạ tầng truyền dẫn quang và an toàn.
- Xây dựng Trung Tâm Dữ Liệu (Data Center) đạt tiêu chuẩn.
- Phương án kinh doanh trên nền tảng mô hình IaaS và SaaS
- Phát triển nhân lực và định hướng kinh doanh theo mô hình tích hợp (SI).
- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực bằng nhiều hình thức.

Nguồn lực để thực hiện chiến lược kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025:

- Triển khai hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác NTT Nhật Bản/VNPT/Viettel để tận dụng nguồn lực kinh tế, kỹ thuật của đối tác.
- Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Thành lập Công ty TNHH Giải pháp VNTT (VNTTS) để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Đưa các cán bộ/chuyên viên chính đi đào tạo tại Nhật Bản thông qua hợp đồng hợp tác với NTT.

10.11. Chính sách người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

10.11.1.Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 30/09/2021 tổng số CBNV của Công ty là 291 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau.

Bảng 17: Số lượng lao động tính đến thời điểm 30/09/2021

Phân loại	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	Tỷ lệ (%)
Phân theo giới tính				
- Nam	256	254	230	79,04%
- Nữ	51	61	61	20.96%
Phân theo trình độ chuyên môn				
- Trên đại học	7	7	7	2,41%
- Đại học	143	135	103	35,40%
- Cao đẳng, Trung cấp	84	94	114	39,18%
- Sơ cấp và khác	73	79	67	23,02%
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động				
- Không xác định thời hạn	112	109	152	52,23%
- Có xác định thời hạn (1 – 3 năm)	179	198	132	45,36%
- Dưới 1 năm	4	3	3	1,03%
- Khác (Hợp đồng học việc, Thử việc)	12	5	4	1,37%
Tổng	**307**	**315**	**328**	**100,%**

Nguồn: Công ty

10.11.2.Chính sách tuyển dụng

Được Công ty sử dụng những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch v.v. đảm bảo số lượng và chất lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty, theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc đảm bảo đúng quy trình tuyển dụng của Công ty và tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên.

10.11.3.Chính sách đào tạo

Đào tạo là quá trình nhằm trang bị cho CBNV những kiến thức, kỹ năng, hành vi, thái độ cần thiết để làm việc hiệu quả và đạt năng suất công việc cao nhất cho Công ty, theo Kế hoạch đào tạo hàng năm và trong từng giai đoạn định hướng và phát triển theo chiến lược của công ty đảm bảo đúng quy trình Đào tạo - Bồi dưỡng và tạo cơ hội phát triển cho CBNV.

10.11.4. Chính sách lương, thưởng, đãi ngộ

Ngay từ khi thành lập VNTT đã xác định con người là tài sản, nguồn lực quan trọng nhất nên việc xây dựng các chính sách lương, thưởng, phúc lợi luôn được VNTT coi trọng và ưu tiên thực hiện trên cơ sở phù hợp với quy định của Pháp luật và không ngừng nâng cao thu nhập và các chế độ đãi ngộ cho NLĐ. Ngoài lương chính sách thưởng theo hiệu quả công việc KPI hàng quý/năm cũng được áp dụng nhằm gắn liền thu nhập với hiệu quả và năng suất lao động.

Việc khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tham quan du lịch, ngày hội tuyền thống, tổ chức tặng quà các ngày lễ tết …các hoạt động công đoàn đã trở thành văn hóa truyền thống của VNTT.

TOTRINH21110203

Đã tổ chức nhiều khóa đào tạo bên ngoài, các khóa đào tạo nội bộ và đào tạo hội nhập cho cán bộ, nhân viên.

Ngoài ra, NTT e – Asia đã đào tạo cho CBNV một số khóa như:

- Đào tạo nâng cao trình độ của các kỹ sư;
- Đào tạo nâng cao trình độ của các nhân viên tiếp thị, bán hang;
- Đào tạo các phương pháp nâng cao chất lượng dịch vụ và giám sát chất lượng.

10.12. Chính sách cổ tức

Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, tình hình tài chính, nhu cầu tiền mặt và các yếu tố khác có liên quan trong từng thời điểm cụ thể, HĐQT sẽ cân nhắc đề xuất đưa ra tỷ lệ cổ tức hàng năm.

Tỷ lệ cổ tức sẽ phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm nhưng sẽ không vượt quá mức HĐQT đề nghị. Ngoài ra, HĐQT có thể tạm ứng mức cổ tức vào từng thời điểm nhất định, phù hợp với tỷ lệ lợi nhuận đạt được hoặc chi trả phần cổ tức đó bằng tài sản cụ thể vào thời điểm phù hợp do HĐQT quyết định. Trường hợp không chi trả cổ tức thì lợi nhuận phải được phân bổ hợp lý vào các khoản dự trữ và lợi nhuận giữ lại. HĐQT sẽ cân nhắc trong việc công bố kế hoạch cổ tức, và kế hoạch này có thể có hoặc có thể không phụ thuộc vào tỷ lệ cổ tức đã phân phối trong những năm trước.

Cổ tức có thể được trả bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu hoặc bằng các tài sản nếu có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp thanh toán bằng tiền mặt thì cổ tức được trả bằng đồng Việt Nam.

Bảng 18: Tỷ lệ cổ tức

ĐVT: %

	2019	2020
Tỷ lệ cổ tức / Vốn điều lệ	15,00%	12,00%

10.13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

a. Về việc chi trả cổ tức năm 2012 và 2013 kéo dài từ năm 2015 đến nay do Công ty gặp phải khó khăn trong việc liên hệ các cổ đông chưa được lưu ký và không có thông tin liên lạc chi tiết. Theo Khoản 2, Điều 27 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020, "Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện", Công ty phải thực hiện thông báo đến cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 ngày 15/04/2021 về việc chi trả cổ tức năm 2012 và 2013 nói trên. Tuy nhiên, do đây là quy định mới, được ban hành ngày 31/12/2020 tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP nên Công ty còn bở ngỡ và chưa chưa kịp thực hiện báo cáo về vấn đề này tại Đại hội cổ đông thường niên 2021. Nay Công ty xin cam kết thực hiện các điểm sau:

TOTRINH21110203

- Công ty cam kết thực hiện việc báo cáo chi tiết đến cổ đông về nguyên nhân và những vấn đề liên quan đến việc chi trả cổ tức năm 2012 và 2013 đến cổ đông Công ty tại Đại hội cổ đông gần nhất;
- Công ty cam kết thực hiện việc báo cáo kết quả và tình hình chi trả cổ tức năm 2012 và 2013 đến cổ đông tại Đại hội cổ đông gần nhất.

b. Công ty cam kết tiếp tục liên lạc và chi trả số cổ tức còn lại chưa chi nhằm đảm bảo quyền lợi và công bằng cho các cổ đông theo như danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức đã chốt trong năm 2012 và 2013

c. Công ty cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán: Công ty sẽ thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.

d. Công ty cam kết sẽ hoàn thiện công tác góp vốn 25.000.000.000 đồng vào Công ty TNHH Giải Pháp VNTT sau khi đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu thành công.

e. Công ty cam kết sẽ xem xét, sửa đổi điểm h khoản 2, Điều 27 Điều lệ Công ty để phù hợp với quy định tại điểm h khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất

10.14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán

Không có

10.15. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán: Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng 19: Kết quả hoạt động của Công ty trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2021 (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	30/09/2021
1	Tổng tài sản	482.402
2	Vốn chủ sở hữu	305.320
3	Doanh thu thuần	202.673

4	Lợi nhuận từ HĐKD	25.937
5	Lợi nhuận khác	240
6	Lợi nhuận trước thuế	26.177
7	Lợi nhuận sau thuế ("LNST")	20.213
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức[1]	-
9	Tỷ lệ cổ tức[2]	-
10	EPS (đồng/cổ phần)	727
11	LNST/Vốn chủ sở hữu[3]	6,62%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Bảng 20: Kết quả hoạt động của Công ty trong giai đoạn 2019 – Tháng 9 2021 (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm	30/09/2021
1	Tổng tài sản	673.306	486.014	(27,82%)	481.637
2	Vốn chủ sở hữu	302.236	320.727	6,12%	306.435
3	Doanh thu thuần	253.299	315.133	24,41%	202.404
4	Lợi nhuận từ HĐKD	20.579	53.069	157,88%	27.051
5	Lợi nhuận khác	71.960	7.539	(89,52%)	240
6	Lợi nhuận trước thuế	92.539	60.608	(34,51%)	27.291
7	Lợi nhuận sau thuế ("LNST")	72.963	48.153	(34,00%)	21.328
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức[1]	16,88%	50,99%	34,11%	-
9	Tỷ lệ cổ tức[2]	15,00%	12,00	(20,00%)	-
10	EPS (đồng/cổ phần)	2.771	1.827	(34,07%)	-
11	LNST/Vốn chủ sở hữu[3]	24,14%	15,01%	(9,13%)	6,96%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Ghi chú:

[1] Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức dựa trên lợi nhuận sau thuế và cổ tức phân phối cho cổ đông của Công ty

[2] Tỷ lệ cổ tức dựa trên tỷ lệ cổ tức cổ tức trên vốn điều lệ của Công ty

[3] Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu dựa trên vốn chủ sở hữu bình quân đầu kỳ và cuối kỳ kế toán

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm 34,00% so với năm 2019 do các nguyên nhân sau:

- Yếu tố làm tăng doanh thu so với năm 2019:
  - Năm 2020 Công ty có ghi nhận phát sinh khoản doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản 61 tỷ, trong khi cùng kỳ năm trước không phát sinh.

TOTRINH21110203

- Bên cạnh đó, năm 2020 doanh thu dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin tăng trưởng khá tốt, tăng 15,79% (từ 152 tỷ đồng lên 176 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu thuần của Công ty tăng 24,41% so với 2019 (từ 253 tỷ đồng lên 315 tỷ đồng).

- Yếu tố làm giảm LNST so với năm 2019:
  - Trong năm 2019 Công ty có ghi nhận khoản thu nhập khác 68,88 tỷ từ thỏa thuận chuyển nhượng phần tài sản Công ty đã đầu tư của 5.681 thuê bao FTTH với đối tác Nhật Bản NTT để đưa vào hợp tác kinh doanh phân chia doanh thu, trong khi năm nay không phát sinh.
  - Ngoài ra, trong năm Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh 3,8 tỷ trong khi cùng kỳ năm trước hoàn nhập 7,8 tỷ

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm qua

1.2.1. Những nhân tố thuận lợi

- Nhân sự:

  VNTT có đội ngũ CBNV trẻ, năng động có trình độ chuyên môn cao được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp. Đặc biệt với chính sách tuyển dụng đào tạo linh hoạt, chế độ phúc lợi luôn được đảm bảo VNTT đã từng bước xây dựng đuôc đội ngũ cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm và đội ngủ nhân sự chuyên môn kỹ thuật giỏi nghiệp vụ ham học hỏi và không ngừng đổi mới sáng tạo.

  VNTT cũng là doanh nghiệp đi đầu trong việc áp dụng các phương pháp quản trị nhân sự chuyên nghiệp vào quản trị điều hành Công ty. VNTT đã áp dụng thành công phương pháp trả lương theo mô hình 3P góp phần tích cực trong việc nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hệ thống phân phối:

  VNTT đã xây dựng và đưa vào hoạt động 10 phòng giao dịch và các chi nhánh tại các Tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Quảng Ngãi, Nghệ An, Hải Phòng. Trong năm 2021 sẽ tiếp tục khai trương các chi nhánh tại Bình Định, Long An, Nha Trang, Bắc Ninh…

1.2.2. Những nhân tố khó khăn

- Khó khăn do tác động của dịch COVID-19:

  Việc áp dụng các chính sách hỗ trợ theo đề nghị của khách hàng đã ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch doanh thu và phát triển thuê bao dịch vụ viễn thông năm 2020. VNTT đã thực hiện các chính sách hỗ trợ theo đề nghị của một số khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 như:
  - Giảm giá cước kỳ cước tháng 4, 5, 6/2020 và tiếp tục giảm giá cước 06 tháng liên tục từ kỳ cước tháng 9/2020 đến tháng 2/2021 do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đợt 2, đối tượng được giảm cước: một số khách hàng doanh nghiệp lớn và tiềm năng của VNTT bị ảnh hưởng trực tiếp do dịch Covid-19;
  - Cho phép khách hàng, đối tác thanh toán công nợ chậm so với quy định: giãn nợ lên đến 60 ngày cho một số đối tác (CMC, FPT,…);
  - Không tạm ngưng dịch vụ do nợ cước đối với các khách hàng lớn có yêu cầu gia hạn nợ.

- Dịch vụ Datacenter: do giãn cách xã hội nên phải tiếp thị khách hàng bằng hình thức online, telesales.

- Khó khăn do cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành trong lĩnh vực cơ – điện, biên lợi nhuận thấp.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

2.1.1. Vốn điều lệ

Tính tới 19/03/2021, vốn điều lệ của Công ty là 244.850.000.000 đồng. Trong 2 năm gần nhất, Công ty không thực hiện tăng vốn.

Bảng 21: Nguồn vốn kinh doanh (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	30/09/2021
I	Nợ phải trả	177.082
1	*Nợ ngắn hạn*	159.072
2	*Nợ dài hạn*	18.011
II	Vốn chủ sở hữu	305.320
Tổng nguồn vốn		**482.918**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Bảng 22: Nguồn vốn kinh doanh (Riêng lẻ)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm	30/09/2021
I	Nợ phải trả	371.070	165.287	(55,46%)	175.202
1	*Nợ ngắn hạn*	*366.482*	*146.824*	*(59,94%)*	157.191
2	*Nợ dài hạn*	*4.588*	*18.463*	*302,41%*	18.011
II	Vốn chủ sở hữu	302.236	320.727	6,12%	306.435
Tổng nguồn vốn		**673.306**	**486.014**	**(27,82%)**	**482.661**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

Bảng 23: Tình hình vốn chủ sở hữu (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	30/09/2021
1	Vốn cổ phần đã phát hành	244.850
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	244.850
	Cổ phiếu ưu đãi	-
2	Quỹ đầu tư phát triển	38.260
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	439
4	Lợi nhuận chưa phân phối(lỗ lũy kế)	21.770
Vốn chủ sở hữu		**305.320**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

TOTRINH21110203

Bảng 24: Tình hình vốn chủ sở hữu (Riêng lẻ)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm	30/09/2021
1	Vốn cổ phần đã phát hành	244.850	244.850	0,00%	244.850
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*244.850*	*244.850*	*0,00%*	244.850
	Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
2	Quỹ đầu tư phát triển	1.926	23.815	1136,74%	38.260
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	439	439	0,00%	439
4	Lợi nhuận chưa phân phối(lỗ lũy kế)	55.021	51.623	(6,17%)	22.885
Vốn chủ sở hữu		**302.236**	**320.727**	**6,12%**	**306.435**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	02 – 25 năm
Máy móc thiết bị	03 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05 năm

2.1.3. Mức thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2020 là: 12.400.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối khá so với các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn.

2.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

VNTT thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Đến thời điểm 31/12/2020, Công ty không có nợ quá hạn.

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

VNTT thực hiện nghiêm túc việc hạch toán đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp đối với các khoản Thuế giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

Bảng 25: Các khoản thuế phải nộp của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	30/09/2021
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	809
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.434
3	Thuế thu nhập cá nhân	486
Tổng cộng:		**3.729**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Bảng 26: Các khoản thuế phải nộp của Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	2.926	809
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.266	5.583	2.343
3	Thuế thu nhập cá nhân	94	34	347
Tổng cộng:		**7.360**	**8.544**	**3.499**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

2.1.6. Trích lập các quỹ

VNTT thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của VNTT và pháp luật hiện hành. Trong 02 năm gần nhất, Công ty không thực hiện việc trích lập quỹ

2.1.7. Tổng dư nợ vay

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021, tình hình nợ vay của VNTT như sau:

Bảng 27: Tổng dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	30/09/2021
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	65.489
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.176
Tổng cộng:		**76.666**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

TOTRINH21110203

Bảng 28: Tổng dư nợ vay của Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	67.608	49.744	65.489
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	12.676	11.176
Tổng cộng:		**67.608**	**62.420**	**76.666**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

2.1.8. Hàng tồn kho

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 và năm 2020, chi tiết giá trị hàng tồn kho của VNTT như sau:

Bảng 29: Chi tiết hàng tồn kho của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	30/09/2021
1	Nguyên liệu, vật liệu	34.030
2	Công cụ, dụng cụ	69
3	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	65.997
4	Hàng hóa	53.462
Tổng cộng		**153.558**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Bảng 30: Chi tiết hàng tồn kho của Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Nguyên liệu, vật liệu	26.331	27.517	31.097
2	Công cụ, dụng cụ	63	255	69
3	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.138	49.223	65.997
4	Hàng hóa	109.710	64.915	53.462
Tổng cộng		**166.241**	**141.910**	**150.625**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

2.1.9. Các khoản phải thu

Bảng 31: Tình hình công nợ của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	30/09/2021
I.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**86.550**
1	Phải thu khách hàng	59.985
2	Trả trước cho người bán	13.524
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	17.093

TOTRINH21110203

5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.051)
II.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**78.688**
1	Phải thu dài hạn khác	78.688
Tổng cộng		**165.238**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Bảng 32: Tình hình công nợ của Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
I.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**241.115**	**150.417**	**93.130**
1	Phải thu khách hàng	104.757	85.351	59.709
2	Trả trước cho người bán	7.229	5.494	16.379
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	50.000	4.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	132.737	13.623	-
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.608)	(4.051)	17.093
II.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**75**	**82**	(4.051)
1	Phải thu dài hạn khác	75	82	**73.688**
Tổng cộng		**241.190**	**150.499**	**166.818**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

Bảng 33: Các khoản phải thu quá hạn (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	30/09/2021	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
I.	**Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng cá nhân**	**1.179**	**179**
1	*Từ 03 – 06 tháng*	111	78
2	*Từ 03 – 06 tháng*	95	47
3	*Từ 03 – 06 tháng*	180	54
4	*Trên 12 tháng*	793	-
II.	**Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng tổ chức**	**639**	**162**
1	*Dưới 01 năm*	67	47

TOTRINH21110203

2	*Từ trên 01 năm – dưới 02 năm*	132	66
3	*Từ trên 02 năm – dưới 03 năm*	164	49
4	*Trên 03 năm*	276	-
III	**Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân**	**2.309**	**-**
1	*Trên 03 năm*	2.309	-
IV	**Tiền trả trước phải thu của các nhà cung cấp**	**267**	**2**
1	*Từ trên 01 năm – dưới 02 năm*	2	1
2	*Từ trên 02 năm – dưới 03 năm*	5	1
3	*Trên 03 năm*	260	-
Tổng cộng		**4.394**	**343**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Bảng 34: Các khoản phải thu quá hạn (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
I.	**Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng cá nhân**	**747**	**151**	**1.179**	**179**	**1.179**	**179**
1	*Từ 03 – 06 tháng*	*113*	*79*	*111*	*78*	111	78
2	*Từ 03 – 06 tháng*	*96*	*48*	*95*	*47*	95	47
3	*Từ 03 – 06 tháng*	*79*	*24*	*180*	*54*	180	54
4	*Trên 12 tháng*	*459*	-	*793*	-	793	-
II.	**Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng tổ chức**	**670**	**242**	**849**	**162**	**639**	**162**
1	*Dưới 01 năm*	*183*	*128*	*132*	*47*	67	47

TOTRINH21110203

2	*Từ trên 01 năm – dưới 02 năm*	*186*	*93*	*164*	*66*	132	66
3	*Từ trên 02 năm – dưới 03 năm*	*69*	*21*	*276*	*49*	164	49
4	*Trên 03 năm*	*231*	-	*276*	-	276	-
III	**Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân**	**2.309**	**-**	**2.309**	**-**	**2.309**	**-**
1	*Trên 03 năm*	*2.309*	-	*2.309*	-	2.309	-
IV	**Tiền trả trước phải thu của các nhà cung cấp**	**277**	**2**	**267**	**2**	**267**	**2**
1	*Từ trên 01 năm – dưới 02 năm*	*1*	*1*	*2*	*1*	2	1
2	*Từ trên 02 năm – dưới 03 năm*	*4*	*1*	*5*	*1*	5	1
3	*Trên 03 năm*	*272*	-	*260*	-	260	-
Tổng cộng		**4.002**	**394**	**4.604**	**343**	**4.394**	**343**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ bán hàng và cung cấp dịch vụ chủ yếu phát sinh từ dịch vụ viễn thông tồn tại qua nhiều năm với nhiều khách hàng cá nhân nhỏ lẻ trong đó chủ yếu là công nhân thuê nhà trọ hiện đã chuyển đi nơi khác. Hiện tại công tác liên lạc để tiếp tục thu hồi các khoản nợ này rất khó khăn do số lượng khách hàng cá nhân rất nhiều và mỗi khách hàng chỉ nợ với số tiền khá ít.
- Đối với khách hàng là tổ chức cũng chủ yếu phát sinh từ cung cấp dịch vụ viễn thông đã tồn tại qua nhiều năm là các nhà thầu từ các tỉnh khác đến Bình Dương thi công xây dựng sử dụng dịch vụ của Công ty. Với các đối tượng khách hàng này Công ty vẫn tiếp tục dùng nhiều biện pháp nhưng cũng rất khó khăn để liên lạc và thu hồi lại được.
- Công nợ phải thu từ tạm ứng của các cá nhân đã tồn đọng từ nhiều năm trước đây do các cá nhân tạm ứng để giải quyết các công việc của Công ty nhưng vẫn chưa quyết toán. Hiện tại các cá nhân này đã nghỉ việc và Công ty vẫn đang tiếp tục dùng các biện pháp để thu hồi nợ, dự kiến sẽ thu hồi trong năm 2021.
- Đối với các khoản trả trước để mua dịch vụ, hàng hóa cho các nhà cung cấp do các dịch vụ, hàng hóa này không đạt chất lượng và chưa đạt được thỏa thuận giải quyết được dứt điểm với các nhà cung cấp nên vẫn chưa thu hồi được số tiền đã trả trước.

2.1.10. Các khoản phải trả

Bảng 35: Chi tiết các khoản phải trả (Hợp nhất)

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	30/09/2021
I	**Các khoản phải trả ngắn hạn**	**159.072**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	19.692

TOTRINH21110203

2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.551
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.729
4	Phải trả người lao động	6.648
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	7.600
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	12.480
7	Phải trả ngắn hạn khác	31.477
8	Vay ngắn hạn	65.489
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.923
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.483
II	**Các khoản phải trả dài hạn khác**	**18.011**
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	871
2	Phải trả dài hạn khác	5.176
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.176
4	Dự phòng phải trả dài hạn	788
Tổng cộng		**177.082**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2021

Bảng 36: Chi tiết các khoản phải trả (Riêng lẻ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
I	**Các khoản phải trả ngắn hạn**	**366.482**	**146.824**	**157.191**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	100.940	37.759	19.467
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.776	16.088	8.551
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.360	8.544	3.590
4	Phải trả người lao động	3.562	5.147	5.765
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	11.161	7.673	7.600
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	9.299	11.383	12.051
7	Phải trả ngắn hạn khác	159.609	7.382	31.272
8	Vay ngắn hạn	67.608	49.744	65.489
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.167	1.836	1.923
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.269	1.483
II	**Các khoản phải trả dài hạn khác**	**4.588**	**18.463**	**18.011**
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	514	756	871
2	Phải trả dài hạn khác	3.217	4.386	5.176
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	12.676	11.176
4	Dự phòng phải trả dài hạn	857	645	788
Tổng cộng		**371.070**	**165.287**	**175.202**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC quý 3 năm 2021

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TOTRINH21110203

Bảng 37: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Riêng lẻ			
		30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	%tăng/ giảm	30/09/2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,96	1,28	2,07	61,96%	1,98
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,00	0,83	1,11	33,92%	1,03
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	36,71%	55,11%	34,01%	(21,10%)	36,38%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	68,00%	122,78%	51,54%	(71,24%)	57,17%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,42	0,47	0,54	15,58%	0,42
Vòng quay vốn lưu động (DTT / Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	0,66	0,77	0,81	6,05%	0,66
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	1,02	1,96	1,52	(22,45%)	1,02
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,97%	28,81%	15,28%	(13,52%)	10,54%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,19%	13,55%	8,31%	(5,24%)	4,41%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,62%	26,83%	15,46%	(11,37%)	6,80%

TOTRINH21110203

Thu nhập trên cổ phần	Đồng	528	2.771	1.827	(34,07%)	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất và riêng lẻ quý 3 năm 2021

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

3.1. Báo cáo tài chính năm 2019

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán A&C, tổ chức đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của VNTT: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

Vấn đề cần nhấn mạnh: "Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi chỉ lưu ý người đọc đến thuyết minh V.21 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Thực hiện Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHCĐ ngày 26 tháng 7 năm 2013 và Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, Công ty đã chia một phần cổ tức năm 2012 và năm 2013 cho các cổ đông mặc dù Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012 và năm 2013 bị lỗ do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố khi lập báo cáo tài chính năm 2014. Trong năm Công ty tiếp tục chia cổ tức năm 2012 và năm 2013 cho các cổ đông với số tiền là 71.510.000 VND. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số cổ tức năm 2012 và năm 2013 đã chia cho cổ đông là 33.170.063.800 VND."

3.2. Báo cáo tài chính năm 2020

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán A&C, tổ chức đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổ chức phát hành: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

"Thực hiện Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHCĐ ngày 26 tháng 7 năm 2013 và Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, Công ty đã chia một phần cổ tức năm 2012 và năm 2013 cho các cổ đông mặc dù Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012 và năm 2013 bị lỗ do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố khi lập báo cáo tài chính năm 2014. Trong năm Công ty tiếp tục chia cổ tức năm 2012 và năm 2013 cho các cổ đông với số tiền là 69.152.000 VND. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số cổ tức năm 2012 và năm 2013 đã chia cho cổ đông là 33.239.215.800 VND"

3.3. Giải trình

VNTT xin giải trình về việc điều chỉnh hồi tố khi lập BCTC kiểm toán năm 2014 chia một phần cổ tức năm 2012 và năm 2013 cho cổ đông như sau:

- Trước khi việc điều chỉnh hồi tố khi lập báo cáo tài chính năm 2014 phát hành ngày 15/06/2015 thì báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của Công ty báo lãi 11.760.712.137 đồng và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 báo lãi 24.216.919.001 đồng.

- Dựa trên kết quả kinh doanh của báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 và năm 2013 trước khi điều chỉnh hồi tố, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã thông qua **Nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHCĐ Ngày 26/07/2013 trong đó có nội dung chi trả cổ tức năm 2012 là 400 đồng/cổ phiếu** và tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua **Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHCĐ Ngày 25/04/2014 trong đó có nội dung chi trả cổ tức năm 2013 là 1.000 đồng/cổ phiếu**. Thực hiện hai Nghị quyết này của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã tiến hành chốt danh sách cổ đông và tiến hành chi trả cổ tức.
- Đến ngày 15/06/2015 khi phát hành báo cáo tài chính năm 2014 kiểm toán đã điều chỉnh hồi tố do phát hiện các sai sót của các năm trước dẫn đến kết quả kinh doanh của năm 2012 từ lãi chuyển thành lỗ và năm 2013 cũng từ lãi chuyển sang bị lỗ (14.689.631.162) đồng.
- Tuy nhiên, từ sau ngày 15/06/2015 đến nay Công ty vẫn tiếp tục chi trả cổ tức cho những cổ đông còn lại chưa nhận cổ tức của năm 2012 và năm 2013 theo danh sách đã chốt nói trên do một phần cổ đông đã được thanh toán cổ tức đã chốt nên Công ty **phải tiếp tục chi trả nhằm đảm bảo quyền lợi và công bằng của các cổ đông còn lại.**
- Việc chi trả cổ tức này kéo dài đến nay vì tất cả các cổ đông đều chưa lưu ký cổ phiếu của Công ty nên Công ty phải thực hiện chi trả trực tiếp cho cổ đông. Hơn nữa do trước đây khi đăng ký góp vốn, phần lớn cổ đông cá nhân cung cấp thông tin địa chỉ không cụ thể chi tiết và cũng không có thông tin số điện thoại cũng như địa chỉ email nên việc liên lạc với cổ đông rất khó khăn và đến thời điểm hiện tại vẫn còn số lượng lớn cổ đông cá nhân Công ty chưa liên lạc được để chi trả cổ tức.
- Cụ thể tình hình chi trả cổ tức năm 2012, 2013 từ năm 2015 đến năm 2020 như sau:

Bảng 38: Chi tiết tình hình chi trả cổ tức năm 2012 và 2013

STT	Thời điểm chi trả	Số tiền chi trả cổ tức năm 2012 (đồng)	Số tiền chi trả cổ tức năm 2013 (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
1	Chi trả trước năm 2015	9.578.006.500	-	9.578.006.500	
2	Năm 2015	80.371.500	11.302.945.000	11.383.316.500	
a	*Từ 01/01/2015 đến 14/06/2015*	-	*10.813.805.000*	-	*Thời điểm trước khi phát hành BCTC kiểm toán năm 2014 có điều chỉnh hồi tố năm 2012, 2013*
b	*Từ 15/06/2015 đến 31/12/2015*	-	*489.140.000*	-	
3	Năm 2016	3.575.800	8.146.530.000	8.150.105.800	

TOTRINH21110203

4	Năm 2017	2.000.000	3.976.805.000	3.978.805.000	
5	Năm 2018	-	8.320.000	8.320.000	
6	Năm 2019	8.100.000	63.410.000	71.510.000	
7	Năm 2020	6.962.000	62.190.000	69.152.000	
8	9 tháng đầu năn 2021	2.052.000	20.700.000	22.752.000	
Tổng cộng		**9.681.067.800**	**23.580.900.000**	**33.261.967.800**	
Còn lại chưa chi		**112.932.200**	**904.100.000**	**1.017.032.200**	

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 39: Kế hoạch lợi nhuận 2020 – 2021

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020 (1)	Kế hoạch năm 2021 (2)	Tăng/giảm so với 2020
1	Doanh thu thuần	315.133	373.500	18,52%
2	LNST	48.153	35.500	(26,28%)
3	Vốn chủ sở hữu	320.727	615.727	91,98%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ DTT	15,28%	9,50%	(5,78%)
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	15,46%	7,58%	(7,88%)
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	12,00%	12,00%	0,00%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: Đại hội đồng cổ đông Công ty

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Dựa vào kế hoạch kinh doanh của các Phòng ban và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức cho năm 2021.Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của nhà tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức hàng năm Công ty đề ra nhằm đảm bảo được mức lợi tức cho các cổ đông cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty được thành lập ngày 02/01/2008 và hiện không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng

2. Thông tin về cổ đông lớn

Tại thời điểm 10/09/2021, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty và tỷ lệ nắm giữ như sau:

Bảng 40: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5%

STT	Tên cổ đông	Năm thành lập	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP (Becamex IDC)	2010	Số 08, đường Hùng Vương, Phường Hoà Phú, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	10.350	- Phạm Ngọc Thuận (TGĐ) - Nguyễn Văn Hùng (Chủ tịch HĐQT)	3700145020	11.896.400	48,59
2	Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam	2010	Tòa nhà VNPT, số 57 Phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	72.237	- Huỳnh Quang Liêm (Quyền TGĐ)	0100684378	2.000.000	8,17
Tổng Cộng							**13.896.400**	**56,76**

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại 10/09/2021

TOTRINH21110203

Chi tiết số cổ phần của các cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty và tỷ lệ nắm giữ như sau:

STT	Tên cổ đông	Thời điểm	Loại CP	Số CP	Tỉ lệ (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP (Becamex IDC)	Thành lập doanh nghiệp	Có quyền biểu quyết	11.896.400	48,59
			Hạn chế CN	11.896.400	48,59
			Ưu đãi	0	0,00
		Hiện tại (ngày 10/09/2021)	Có quyền biểu quyết	11.896.400	48,59
			Hạn chế CN	0	0,00
			Ưu đãi	0	0,00
		Dự kiến sau phát hành	Có quyền biểu quyết	17.979.600	48,59
			Hạn chế CN	0	0,00
			Ưu đãi	0	0,00
2	Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam	Thành lập doanh nghiệp	Có quyền biểu quyết	2.000.000	8,17
			Hạn chế CN	2.000.000	8,17
			Ưu đãi	0	0,00
		Hiện tại (ngày 10/09/2021)	Có quyền biểu quyết	2.000.000	8,17
			Hạn chế CN	0	0,00
			Ưu đãi	0	0,00
		Dự kiến sau phát hành	Có quyền biểu quyết	3.000.000	8,17
			Hạn chế CN	0	0,00
			Ưu đãi	0	0,00

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp CTCP (Becamex IDC)

Hoạt động chính của doanh nghiệp: Phát triển khu công nghiệp; Phát triển Bất động sản, Dân cư, thương mại; Cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục và Hoạt động xây dựng

Mối quan hệ của cổ đông lớn của VNTT và những người có liên quan của họ:

Bảng 41: Danh sách người có liên quan của Becamex IDC

STT	Tên	Năm sinh	Số CMND/Passport	Chức danh tại Becamex	Số lượng cổ phần hiện tại	Số lượng cp dự kiến sau phát hành	Tỷ lệ sở hữu trước và sau phát hành (%)
1	Giang Quốc Dũng	1974	281069590	Phó TGĐ, Tổ trưởng tổ trợ lý, Thư ký HĐQT, Người phụ trách quản trị Tổng Công ty	11.896.400 (đại diện vốn)	17.979.600	48,59

TOTRINH21110203

2	Quảng Văn Viết Cương	1970	280439297	Phó Tổng giám đốc	30.000 (cá nhân)	45.000	0,12
3	Ngô Duy Khang	1983	225235999	Giám đốc viễn thông	0	0	0,00
4	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	1976	280581681	Kế toán trưởng	0	0	0,00
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	1988	280898998	Trưởng BKS	0	0	0,00

Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Becamex IDC (và những người có liên quan) và VNTT:

STT	Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	22/HĐTCXD/2021/IJC-VNTT	25/06/2021	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện	18.600	Tổng giám đốc
2	23/HĐTCXD/2021/IJC-VNTT	25/06/2021	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện	7.100	Tổng giám đốc
3	06/HĐTC/2021/VNTT-IJC	25/06/2021	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện	6.872	Tổng giám đốc
4	75/6/2021/HĐTC/BCMBP-VNTT	12/06/2021	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện	1.450	Tổng Giám đốc
5	05/2021/HĐTC/VNTT/IJC	21/05/2021	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện	880	Tổng Giám đốc
6	59/5/2021/HĐTC/BCMBP-VNTT	17/05/2021	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện	511	Tổng Giám đốc
7	55/5/2021/HĐTC/BCMBP-VNTT	13/05/2021	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện	1.492	Tổng Giám đốc
8	60/08/2020/HĐVT/HĐ	27/08/2020	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện	6.477	Tổng Giám đốc
9	38/06/2020/HĐVT/HĐ	12/06/2020	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện	2.687	Tổng Giám đốc
10	68/05/2020/HĐVT/HĐ	26/05/2020	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện	3.217	Tổng Giám đốc
11	001/05/2020/HĐDV/BCE-VNTT	07/05/2020	Cung cấp phần mềm eoffice và thuê máy chủ	2.906	Tổng Giám đốc
12	2403/2020/HDDV/VNTT-BCMBD	24/03/2020	Cung cấp phần mềm eoffice và thuê máy chủ	2.624	Tổng Giám đốc

13	11/02/2020/HĐDV/BCMBP-VNTT	03/02/2020	Cung cấp phần mềm eoffice và thuê máy chủ	2.845	Tổng Giám đốc
14	001/12/2019/HĐDV/IJC-VNTT	20/12/2019	Cung cấp phần mềm eoffice và thuê máy chủ	2.845	Tổng Giám đốc
15	002/12/2019/HĐDV/TDC-VNTT	20/12/2019	Cung cấp phần mềm eoffice và thuê máy chủ	2.845	Tổng Giám đốc

Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT)

Hoạt động chính của doanh nghiệp:

- Dịch vụ và sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện;
- Khảo sát, tư vấn, thiết kế, lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê các công trình viễn thông, công nghệ thông tin;
- Nghiên cứu, phát triển, chế tạo, sản xuất thiết bị, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin;
- Thương mại, phân phối các sản phẩm thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;
- Dịch vụ quảng cáo, nghiên cứu thị trường, tổ chức hội nghị hội thảo, triển lãm liên quan đến lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ tài chính trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện.

VNPT và VNTT cùng hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông, truyền thông và CNTT. Giữa VNPT và VNTT có mối quan hệ hợp tác phát triển kinh doanh. VNTT hợp tác phân chia Doanh thu với VNPT để cung cấp các dịch vụ viễn thông - CNTT trong các dự án Khu công nghiệp và Khu dân cư do Tổng công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – CTCP và Công ty Liên Doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore (VSIP) đầu tư xây dựng và phát triển.

Mối quan hệ của cổ đông lớn của VNTT và những người có liên quan của họ:

STT	Tên	Năm sinh	Số CMND/Passport	Chức danh tại VNPT	Số lượng cổ phần hiện tại	Số lượng cp dự kiến sau phát hành	Tỷ lệ sở hữu trước và sau phát hành (%)
1	Võ Thị Thanh Hương	1975	280573972	Trưởng Đại diện Tập đoàn VNPT tại Bình Dương - Giám đốc VNPT Bình Dương	2.000.000 (đại diện vốn)	3.000.000	8,17

2	Đặng Thanh Hưng	1980	023592622	Kế toán Trưởng – Trưởng phòng Kế toán Kế hoạch	1.330 (cá nhân)	1.995	0,00

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích:

Điều số 42 Điều lệ Công ty có quy định rõ về phương án kiểm soát xung đột lợi ích như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc Kế toán trưởng

Bảng 42: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Tên	Năm sinh	Số CMND/Passport	Chức danh
I	**Hội đồng quản trị**			
1	Ông Huỳnh Quang Hải	1974	023815799	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Giang Quốc Dũng	1974	281069590	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực
3	Bà Võ Thị Thanh Hương	1975	280573972	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Ông Nguyễn Bá Thước	1950	010230634	Thành viên HĐQT
5	Ông Quảng Văn Viết Cương	1970	280439297	Thành viên HĐQT
II	**Ban Tổng Giám đốc**			
1	Ông Giang Quốc Dũng	1974	281069590	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Xuân Vinh	1967	011260135	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lai Xuân Nghĩa	1975	280572927	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Ngô Duy Khang	1983	225235999	Phó Tổng Giám đốc
III	**Ban Kiểm soát**			
1	Ông Đặng Thanh Hưng	1980	023592622	Trưởng BKS
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn	1976	280581681	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	1988	280898998	Thành viên BKS
IV	**Kế toán trưởng**			
1	Nguyễn Văn Phúc	1975	280608120	Kế toán trưởng

3.1. Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

3.1.1. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **HUỲNH QUANG HẢI**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/10/1974
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 137/2 Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 023815799
- Ngày cấp: 21/07/2015
- Nơi cấp: Công an Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế đối ngoại, Quản lý doanh nghiệp

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Quản lý, điều hành VSIP Group
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 1994 – 1995	Cán bộ kinh doanh	Công ty Emery Worldwide
Từ 1996 – nay	Quản lý, điều hành, Phó chủ tịch Thường trực HĐQT	Tập đoàn Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore (VSIP group)

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Tập đoàn Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore (VSIP group)	Phó chủ tịch Thường trực HĐQT	0	0,00%
Công ty LD TNHH KCN Việt Nam - Singapore	Phó Tổng giám đốc	0	0,00%
Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
Công ty TNHH VSIP Hải Phòng	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
Công ty TNHH VSIP Hải Dương	Đồng Chủ tịch HĐTV	0	0,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và KCN Việt Nam – Singapore (Vsip JSC)	Tổng Giám đốc	0	0,00%
Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
Công ty TNHH VSIP Nghệ An	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
Trường Đại Học Quốc Tế Miền Đông (EIU)	Phó chủ tịch Thường trực	0	0,00%

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	0	0,00%
Bệnh viện quốc tế Becamex	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%
Nguyễn Thị Thanh Bình	Vợ	0	0,00%
Huỳnh Nguyễn Quỳnh Anh	Con	0	0,00%
Huỳnh Nguyễn Nhật Minh	Con	0	0,00%
Huỳnh Hoàng	Ba	0	0,00%
Võ Thị Xuân	Mẹ	0	0,00%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán:

	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Thù lao	20.000.000	52.582.860	45.000.000
Tổng cộng	**20.000.000**	**52.582.860**	**45.000.000**

- Ông Huỳnh Quang Hải nắm giữ chức vụ Phó Chủ tịch Tập đoàn Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore (VSIP) là khách hàng lớn của VNTT. VSIP hoạt động trong lĩnh vực khu công nghiệp. VSIP và ông Huỳnh Quang Hải hiện không nắm giữ cổ phần VNTT.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký và chưa thực hiện giữa VNTT và ông Huỳnh Quang Hải và người có liên quan (VSIP)

STT	Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	SCC/SH1/D-30.10	07/05/2021	Mua nhà thương mại	3.632	Tổng giám đốc
2	VSIP/M&E/20254	01/02/2021	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện chiếu sáng	1.139	Tổng giám đốc
3	VSIP/M&E/20248	05/01/2021	Cung cấp dịch vụ thi công hệ thống điện chiếu sáng	735	Tổng giám đốc

- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: theo Điều 42 Điều lệ Công ty về Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

3.1.2. Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **GIANG QUỐC DŨNG**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/06/1974
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Khu phố 3, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số CMND : 281069590
- Ngày cấp: 02/12/2009
- Nơi cấp: Công an Bình Dương
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
  - Phó TGĐ – Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
  - Chủ tịch HĐQT – CTCP Phát triển Giáo dục Miền Đông
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 2009 - 2018	Tổ trưởng tổ trợ lý, Thư ký HĐTV (HĐQT),	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP (Becamex IDC)
Từ 2019 – nay	Phó TGĐ, Tổ trưởng tổ trợ lý, Thư ký HĐQT, Người phụ trách quản trị Tổng Công ty	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
Từ 04/2016 – nay	Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:

TOTRINH21110203

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số CP đang lưu hành
- Sở hữu đại diện: 11.896.400 cổ phần, chiếm 48,59% tổng số CP đang lưu hành
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP	Phó TGĐ	11.896.400 (Đại diện vốn)	48,59%
CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
CTCP Phát triển Giáo dục Miền Đông	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
Nguyễn Kim Huê	Mẹ	0	0,00%
Huỳnh Văn Ba	Ba vợ	0	0,00%
Nguyễn Thị Ngọc	Mẹ vợ	0	0,00%
Huỳnh Kim Thảo	Vợ	35.000	0,14%
Giang Tiến Long	Con	0	0,00%
Giang Huỳnh An	Con	0	0,00%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán:

	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Tiền lương	240.000.000	240.000.000	180.000.000
Thưởng	117.829.596	79.082.000	126.238.431
Thù lao	40.000.000	60.114.280	45.000.000
Tổng cộng	**397.829.596**	**379.196.280**	**351.238.431**

- Ông Giang Quốc Dũng nắm giữ chức vụ Phó TGĐ, Tổ trưởng tổ trợ lý, Thư ký HĐQT, Người phụ trách quản trị tại Becamex IDC là khách hàng và cổ đông lớn của VNTT. Lĩnh vực hoạt động của Becamex IDC, tỷ lệ sở hữu cổ phần và phương án kiểm soát xung đột vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký và chưa thực hiện giữa VNTT và ông Huỳnh Quang Hải và người có liên quan (Becamex) vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.

3.1.3. Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **VÕ THỊ THANH HƯƠNG**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 17/11/1975
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 09 Khu phố Hưng Phước, phường Hưng Định, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Số CMND: 280573972
- Ngày cấp: 17/11/2011
- Nơi cấp: Công an Bình Dương
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế phát triển
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán : Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Trưởng Đại diện Tập đoàn VNPT tại Bình Dương - Giám đốc VNPT Bình Dương.
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 10/1997 – 12/1997	Nhân viên kế toán	Công ty LD Sân Golf Palm Sông Bé
Từ 01/04/1998 – 14/08/2004	Chuyên viên kế toán Phòng Kế toán Thống kê Tài chính	Bưu điện tỉnh Bình Dương
Từ 15/05/2009 – 09/11/2015	Trưởng phòng Đầu tư	Viên thông Bình Dương
Từ 10/11/2015 – 21/12/2017	Kế toán trưởng, Trưởng phòng kế hoạch kế toán	Viễn thông Bình Dương
Từ 22/12/2017 – 28/02/2019	Phó Giám đốc	Viễn thông Bình Dương
Từ 2020 – nay	Trưởng Đại diện Tập đoàn VNPT tại Bình Dương - Giám đốc VNPT Bình Dương	Viễn thông Bình Dương

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - Sở hữu cá nhân: 13.760 cổ phần, chiếm 0,06% tổng số CP đang lưu hành

- Sở hữu đại diện: 2.000.000 cổ phần, chiếm 8,17% tổng số CP đang lưu hành
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	Trưởng Đại diện Tập đoàn VNPT tại Bình Dương - Giám đốc VNPT Bình Dương	2.000.000 (Đại diện vốn)	8,17%
Nguyễn Thị Liên	Mẹ chồng	0	0,00%
Hà Minh Thắng	Chồng	0	0,00%
Hà Minh Hương Giang	Con	0	0,00%
Võ Thị Minh Huệ	Chị	0	0,00%
Võ Thị Thiên Hương	Chị	0	0,00%
Võ Thanh Hải	Chị	0	0,00%
Võ Thị Thúy Hằng	Chị	0	0,00%
Võ Thanh Hòa	Anh	0	0,00%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán:

	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Thù lao	32.000.000	56.777.140	45.000.000
Tổng cộng	**32.000.000**	**56.777.140**	**45.000.000**

- Bà Võ Thị Thanh Hương hiện nắm giữ chức vụ Trưởng Đại diện Tập đoàn VNPT tại Bình Dương - Giám đốc VNPT Bình Dương tại VNPT, là khách hàng và cổ đông lớn của VNTT. Lĩnh vực hoạt động của VNPT, tỷ lệ sở hữu cổ phần và phương án kiểm soát xung đột vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký và chưa thực hiện giữa VNTT và Bà Võ Thị Thanh Hương và người có liên quan (VNPT)

STT	Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Cấp có thẩm quyền chấp thuận

TOTRINH21110203

1	0107/BDG-VNTT/HĐKT-2020	01/07/2020	Thuê hạ tầng viễn thông	120 / năm	Tổng giám đốc
2	23/16/INT/BHMN/HĐDV/PL13	30/06/2021	Mua băng thông Internet	Không cố định	Tổng giám đốc
3	1808/2021/HĐ VNTT-VNPT BDG-TTKD BDG	15/09/2021	Hợp tác kinh doanh dịch vụ viễn thông và CNTT	Không cố định	Tổng giám đốc

3.1.4. Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **NGUYỄN BÁ THƯỚC**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/06/1950
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Nhà A4 – VT40, Tập thể Bưu điện Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Số CMND: 010230634
- Ngày cấp: 03/07/2010
- Nơi cấp: Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thông tin Viễn thông
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 1977 – 1980	Kỹ sư, Trưởng ban Quy hoạch mạng lưới viễn thông, Trưởng phòng kỹ thuật, Hiệu trưởng	Trường kỹ thuật – Bưu điện Thành phố Hà nội – Tổng cục Bưu điện
Từ 1981 – 1984	Cố vấn mạng viễn thông	Văn phòng TW, Văn phòng chính phủ nước CHDCND Lào

TOTRINH21110203

Từ 1987 – 1997	Phó Giám đốc, Giám đốc	Công ty XNK Vật tư Bưu điện, Công ty thiết bị Viễn thông của Tổng Cục Bưu điện
Từ 1998 – 2010	Trưởng Ban kế hoạch, Phó Tổng Giám đốc	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
Từ 2010 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Nguyễn Thị Dung	Vợ	9.000	0,04%
Nguyễn Hương Giang	Con	0	0,00%
Nguyễn Minh Châu	Con	0	0,00%
Nguyễn Bá Tước	Con	0	0,00%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán:

	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Thù lao	40.000.000	53.440.000	45.000.000
Tổng cộng	**40.000.000**	**53.440.000**	**45.000.000**

- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: theo Điều 42 Điều lệ Công ty về Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

3.1.5. Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **QUẢNG VĂN VIẾT CƯƠNG**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/05/1970
- Nơi sinh: Bình Dương

- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 296/5/10 Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 4, Khu Phố 3, phường Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số CMND: 280439297
- Ngày cấp: 10/03/2005
- Nơi cấp: Công an Bình Dương
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Phó TGĐ –Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp – CTCP
  - Phó Chủ tịch HĐQT – CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ Thuật (Becamex IJC)
  - Chủ tịch HĐQT – CTCP Phát triển Đô Thị (Becamex UDJ)
  - Thành viên HĐQT – CTCP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam
  - Chủ tịch HĐQT – CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương (Becamex BCE)
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 2009 – 2018	Giám đốc Phòng Đầu tư	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
Từ 2019 – nay	Phó Tổng giám đốc	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần, chiếm 0,12% tổng số CP đang lưu hành
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP	Phó TGĐ	11.896.400	48,59%
CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)	Thành viên HĐQT	0	0,00%

TOTRINH21110203

CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ Thuật (Becamex IJC)	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
CTCP Phát triển Đô Thị (Becamex UDJ)	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương (Becamex BCE)	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
Lê Thị Thành	Mẹ	0	0,00%
Phạm Thị Lan Thảo	Vợ	10.000	0,06%
Quảng Quốc Trực	Con	0	0,00%
Quảng Quốc Việt	Con	0	0,00%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán:

	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Thù lao	40.000.000	53.440.000	45.000.000
Tổng cộng	**40.000.000**	**53.440.000**	**45.000.000**

- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Ông Quảng Văn Viết Cương nắm giữ chức vụ Phó TGĐ tại Becamex IDC là khách hàng và cổ đông lớn của VNTT. Lĩnh vực hoạt động của Becamex IDC, tỷ lệ sở hữu cổ phần và phương án kiểm soát xung đột vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký và chưa thực hiện giữa VNTT và ông Quảng Văn Viết Cương và người có liên quan (Becamex) vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.

3.2. Lý lịch ban Tổng Giám đốc

3.2.1. Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **GIANG QUỐC DŨNG**

Ông Giang Quốc Dũng là Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm Tổng Giám đốc. Chi tiết thông tin của Ông Giang Quốc Dũng xem tại phần Phó Chủ tịch HĐQT thường trực (3.1.2)

3.2.2. Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **LÊ XUÂN VINH**
- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 08/11/1967
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: P504, tòa B, ngõ 71, phố Linh Lang, quận Ba Đình, Hà Nội
- Số CMND: 011260135
- Ngày cấp: 31/08/2011
- Nơi cấp: Công an Tp. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kỹ thuật, ngành Viễn thông
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 1990 – 2008	Cán bộ nghiên cứu Trung tâm nghiên cứu kỹ thuật chuyển mạch	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Viện KHKT Bưu điện
Từ 2008 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Lê Tố Lan	Vợ	0	0,00%
Lê Xuân Anh	Con	0	0,00%
Lê Đức Anh	Con	0	0,00%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán:

	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Tiền lương	407.085.000	407.645.000	305.585.000
Thưởng	155.498.090	128.972.865	145.317.500
Tổng cộng	**562.583.090**	**536.617.865**	**450.902.500**

- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: theo Điều 42 Điều lệ Công ty về Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

3.2.3. Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **LẠI XUÂN NGHĨA**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/12/1975
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 121/41 khu 3, phường Phú Thọ, TP.TDM, tỉnh Bình Dương
- Số CMND: 280572927
- Ngày cấp: 25/08/2005
- Nơi cấp: Bình Dương
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 2000 – 2002	Kỹ sư Điện	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
Từ 2000– 2015	Trưởng bộ phận Điện	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
Từ 2015 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Nguyễn Thị Thanh Chi	Vợ	0	0,00%
Lai Nhật Kim Ngân	Con	0	0,00%
Lai Nhật Thanh Trúc	Con	0	0,00%
Lai Xuân Hòa	Cha	0	0,00%
Ngô Thị Tư	Mẹ	0	0,00%
Lai Xuân Hiếu	Anh	0	0,00%
Lai Xuân Thảo	Anh	0	0,00%
Lai Xuân Phong	Em	800	0,00%
Lai Thị Thanh Hương	Em	0	0,00%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán:

	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Tiền lương	407.715.000	407.820.000	305.725.000
Thưởng	154.554.571	125.480.250	167.144.445
Tổng cộng	**562.269.571**	**533.300.250**	**472.869.445**

- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: theo Điều 42 Điều lệ Công ty về Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

3.2.4. Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **NGÔ DUY KHANG**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/05/1983
- Nơi sinh: Khánh Hòa

TOTRINH21110203

- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Thủ Đức Garden Homes, C8, Số 27 đường số 3, Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức
- Số CMND: 225235999
- Ngày cấp: 27/04/2007
- Nơi cấp: Công an Khánh Hòa
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Thạc sĩ công nghệ thông tin
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng giám đốc công ty VNTT Solution; Giám đốc viễn thông của Becamex IDC
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2007-2015	Giám đốc đơn vị chiến lược số 36	FPT Software Ho Chi Minh Ltd
2015-2020	Giám đốc chi nhánh	FPT Software Europe Ltd
01/2021 – nay	Phó Tổng giám đốc	VNTT
01/2021 - nay	Giám đốc viễn thông	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Đặng Thị Hà Minh	Vợ	6.500	0,03%
Ngô Duy Khánh	Bố đẻ	0	0,00%
Phùng Thị Hoa	Mẹ đẻ	0	0,00%
Đặng Trọng Đức	Bố vợ	0	0,00%
Phan Thị Liên	Mẹ vợ	3.500	0,01%
Ngô Duy Khiêm	Con ruột	0	0,00%

Ngô Minh Khoa	Con ruột	0	0,00%
Ngô Thị Quỳnh Như	Chị ruột	0	0,00%
Đặng Trọng Anh	Em vợ	0	0,00%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán: Không có (Ông Ngô Duy Khang nhận thù lao và lợi ích từ Becamex IDC)
- Ông Ngô Duy Khang nắm giữ chức vụ Giám đốc viễn thông tại Becamex IDC là khách hàng và cổ đông lớn của VNTT. Lĩnh vực hoạt động của Becamex IDC, tỷ lệ sở hữu cổ phần và phương án kiểm soát xung đột vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký và chưa thực hiện giữa VNTT và ông Ngô Duy Khang và người có liên quan (Becamex) vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.

3.3. Lý lịch Ban Kiểm soát

3.3.1. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **ĐẶNG THANH HƯNG**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/07/1980
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: P402 Lô C1 tầng 5 c/c 1A-1B Nguyễn Đình Chiểu, P.Đakao, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh
- Số CMND: 074080000135
- Ngày cấp: 26/11/2020
- Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế ngàn Kế toán Kiểm toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán Trưởng VNPT Bình Dương
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
T10/2003 – T12/2007	Chuyên viên phòng Kế toán Thống kê Tài chính	Bưu điện tỉnh Bình Dương

TOTRINH21110203

T01/2008 – T03/2012	Chuyên viên phòng Kế toán Thống kê Tài chính	Viễn thông Bình Dương
T04/2012 – T2/2018	Phó Phòng Kế toán	Viễn thông Bình Dương
T03/2018 – Nay	Kế toán Trưởng – Trưởng phòng Kế toán Kế hoạch	Viễn thông Bình Dương

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - Sở hữu cá nhân: 1.330 cổ phần, chiếm 0,01% tổng số CP đang lưu hành
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Đặng Vinh Hiển	Cha	0	0,00%
Tô Kim Lan	Mẹ	0	0,00%
Đặng Ngọc Hải	Anh	0	0,00%
Đặng Ngọc Lan Chi	Em	0	0,00%
Huỳnh Văn Nhị	Cha vợ	0	0,00%
Huỳnh Thị Sương	Mẹ vợ	0	0,00%
Huỳnh Song Ngọc Trang	Vợ	1.300	0,00%
Đặng Huỳnh Đông Trúc	Con	0	0,00%
Đặng Huỳnh Trúc Hằng	Con	0	0,00%
Đặng Thành Trung	Con	0	0,00%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán:

	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Thù lao	12.000.000	49.417.140	30.000.000
Tổng cộng	**12.000.000**	**49.417.140**	**30.000.000**

- Ông Đăng Thanh Hưng nắm giữ chức vụ Kế toán Trưởng – Trưởng phòng Kế toán Kế hoạch tại VNPT là khách hàng và cổ đông lớn của VNTT. Lĩnh vực hoạt động của VNPT, tỷ lệ sở hữu cổ phần và phương án kiểm soát xung đột vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký và chưa thực hiện giữa VNTT và ông Đặng Thanh Hưng và người có liên quan (VNPT):

STT	Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	0107/BDG-VNTT/ HĐKT-2020	01/07/2020	Thuê hạ tầng viễn thông	120/năm	Tổng giám đốc
2	23/16/INT/BHMN/ HĐDV/PL13	30/06/2021	Mua băng thông Internet	Không cố định	Tổng giám đốc
3	1808/2021/ HĐ VNTT-VNPT BDG-TTKD BDG	15/09/2021	Hợp tác kinh doanh dịch vụ viễn thông và CNTT	Không cố định	Tổng giám đốc

3.3.2. Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THANH NHÀN**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/08/1976
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 208 đường Bàu Bàng- phường Chánh Nghĩa- TP. Thủ Dầu Một- tỉnh Bình Dương
- Số CMND: 280581681
- Ngày cấp: 08/08/2015
- Nơi cấp: Công an Bình Dương
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 5/1999 – 7/2010	Nhân viên Kế toán	Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp CTCP

TOTRINH21110203

Từ 8/2010 – 2/2017	Kiểm soát viên	Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp CTCP
Từ 3/2017 - nay	Kế toán trưởng	Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp CTCP

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Trần Thị Tạo	Mẹ	0	0,00%
Nguyễn Tấn Quốc	Anh	0	0,00%
Nguyễn Thị Thanh Thúy	Chị	0	0,00%
Nguyễn Tấn Chiến	Anh	0	0,00%
Nguyễn Thị Thanh Sang	Chị	0	0,00%
Nguyễn Tấn Trọng	Anh	0	0,00%
Mai Thị Kim Hoa	Chị dâu	0	0,00%
Huỳnh Tấn Đạt	Anh rể	0	0,00%
Lưu Thị Minh Trang	Chị dâu	0	0,00%
Lê Viết Thành Quang	Anh rể	0	0,00%
Lê Ngọc Thắm	Chị dâu	0	0,00%
Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP	Tổ chức có liên quan	11.896.400	48,59%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán:

	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Thù lao	24.000.000	42.742.860	20.000.000
Tổng cộng	**24.000.000**	**42.742.860**	**20.000.000**

- Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn nắm giữ chức vụ Kế toán trưởng tại Becamex IDC là khách hàng và cổ đông lớn của VNTT. Lĩnh vực hoạt động của Becamex IDC, tỷ lệ sở hữu cổ phần và phương án kiểm soát xung đột vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký và chưa thực hiện giữa VNTT và bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn và người có liên quan (Becamex) vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.

3.3.3. Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 11/09/1988
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phú Cường, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Số CMND: 280898998
- Ngày cấp: 02/01/2020
- Nơi cấp: Công an Bình Dương
- Điện thoại liên hệ: Không
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Trưởng BKS – Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
  - Trưởng BKS – Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
  - Trưởng BKS - Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị
  - Trưởng BKS - Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương
  - Trưởng BKS - Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 10/2012 – 4/2013	Nhân viên	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
Từ 5/2013 – 7/2014	Ban quản lý dự án	Dự án Bệnh viện Quốc tế Becamex

TOTRINH21110203

Từ 8/2014 – 12/2014	Nhân viên phòng Sản xuất Kinh doanh	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
Từ 1/2015 – 6/2016	Tổ phó – Tổ đấu thầu	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
Từ 7/2016– 4/2017	Tổ trưởng Tổ thu hồi công nợ	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
Từ 5/2017 – 12/2018	Kiểm soát viên	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
Từ 1/2018 – nay	Trưởng BKS	Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP	Trưởng BKS	11.896.400	48,59%
CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)	Trưởng BKS	0	0,00%
CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ Thuật (Becamex IJC)	Trưởng BKS	0	0,00%
CTCP Phát triển Đô Thị (Becamex UDJ)	Trưởng BKS	0	0,00%
CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương (Becamex BCE)	Trưởng BKS	0	0,00%
Nguyễn Văn Dũng	Cha	0	0,00%
Nguyễn Kim Nhường	Mẹ	0	0,00%
Trần Hoàng Thi	Cha chồng	0	0,00%
Nguyễn Thị Thi	Mẹ chồng	0	0,00%
Trần Nhật Khoa	Chồng	0	0,00%

Nguyễn Thế Duy	Em	0	0,00%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán:

	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Thù lao	24.000.000	42.742.860	20.000.000
Tổng cộng	**24.000.000**	**42.742.860**	**20.000.000**

- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Bà Nguyễn Thị Thùy Dương nắm giữ chức vụ Trưởng BKS tại Becamex IDC là khách hàng và cổ đông lớn của VNTT. Lĩnh vực hoạt động của Becamex IDC, tỷ lệ sở hữu cổ phần và phương án kiểm soát xung đột vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký và chưa thực hiện giữa VNTT và bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương và người có liên quan (Becamex) vui lòng xem tại phần VI, mục 2 Thông tin về cổ đông lớn.

3.4. Lý lịch Kế toán trưởng

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN PHÚC**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/03/1975
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 179/38 Bùi Ngọc Thu, Tổ 62, Khu 8, Phường Hiệp An, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số CMND: 280608120
- Ngày cấp: 22/11/2007
- Nơi cấp: Công an Bình Dương
- Điện thoại liên hệ : Không
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán)
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 10/1999 – 02/2002	Nhân viên văn phòng	Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại Đức Dũng tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
Từ 02/2002 – 06/2007	Nhân viên văn phòng	Công ty Xổ số Kiến thiết Bình Dương tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
Từ 07/2007 – 04/2009	Nhân viên văn phòng	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thi tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
Từ 04/2009 – 03/2015	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
Từ 03/2015 – nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt nam tại Thủ Dầu Một, Bình Dương

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
Nguyễn Thị Thảo Hiền	Vợ	0	0,00%
Nguyễn Bảo Khuê	Con ruột	0	0,00%
Nguyễn Song Khuê	Con ruột	0	0,00%
Đoàn Thị Nhân	Mẹ ruột	0	0,00%
Nguyễn Thị Cẩm Dung	Chị ruột	0	0,00%
Nguyễn Thị Diễm	Chị ruột	0	0,00%
Nguyễn Văn Khương	Em ruột	0	0,00%
Nguyễn Ngọc Nữ	Em ruột	0	0,00%
Nguyễn Ngọc Phương	Em ruột	0	0,00%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký chào bán:

	Năm 2019	Năm 2020	9 tháng 2021
Tiền lương	407.470.000	407.820.000	305.725.000
Thưởng	154.961.951	128.992.395	167.762.895
Tổng cộng	**562.431.951**	**536.812.395**	**473.487.895**

- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký chào bán: Không
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: theo Điều 42 Điều lệ Công ty về Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000/cổ phần

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số cổ phiếu chào bán dự kiến là 12.242.500 cổ phiếu. Đối tượng chào bán gồm các tổ chức, cá nhân hiện đang là cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (VNTT).

- Tổ chức chào bán : Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
- Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
- Loại chứng khoán chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 24.485.000 cổ phiếu
- Vốn điều lệ của Công ty : 244.485.000.000 đồng
  (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bốn tỷ bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng)
- Số lượng cổ phần chào bán dự kiến : 12.242.500 cổ phần
- Tổng giá trị chào bán dự kiến : 122.425.000.000 đồng
  (Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai tỷ bốn trăm hai mươi lăm ngàn) đồng

TOTRINH21110203

– Dự kiến số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi chào bán	:	36.727.500 cổ phiếu
– Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán	:	367.275.000.000 đồng
– Phương thức chào bán	:	Cháo bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu sẽ được hưởng 02 quyền mua và cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm)
– Đối tượng chào bán	:	Các tổ chức, cá nhân hiện đang là cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
– Giá chào bán dự kiến	:	10.000 đồng (giá chào bán bằng mệnh giá)
– Thời gian dự kiến chào bán	:	Trong năm 2021, ngay sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận.
– Phương án xử lý trong trường hợp cổ phần không chào bán hết theo dự kiến	:	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo giá chào bán phù hợp tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn so với giá các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 122.425.000.000 (Một trăm hai mươi hai tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng)

5. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương thức phân phối

- Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1 (cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu sẽ được hưởng 02 quyền mua và cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm).
- Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Cổ phiếu sẽ được phân phối thông qua các thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Cổ phiếu sẽ được phân phối tại trụ sở chính Công ty.
- Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu được phép chuyển nhượng quyền mua của mình cho nhà đầu tư khác.

7. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng.
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Địa điểm nhận Hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam, số 02 đường Tiên Phong 03, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số cổ phiếu dôi ra do làm tròn hoặc/ và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết được HĐQT phân phối tiếp.
- Phương thức thanh toán: Cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại trụ sở Công ty, và nộp tiền vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật.
- Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành, sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được Công ty cập nhật vào Sổ theo dõi danh sách cổ đông của Công ty.
- Phương án xử lý cổ phần lẻ phát sinh và cổ phần không được phân phối hết:
  - Đối với số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, số lẻ phát sinh sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị;
  - Đối với cổ phần không bán hết và cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn số sẽ được phân phối tiếp cho đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu. Cổ phần phân phối tiếp này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất phát hành.
- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phần theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

8. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Thời gian thực hiện phát hành dự kiến trong 2020 - 2021. Các cổ đông hiện hữu thực hiện góp vốn theo thông báo góp vốn của Tổng Công ty sau khi được UBCKNN chấp thuận việc chào bán (Tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy Chứng nhận chào bán có hiệu lực).
- Cổ đông không thực hiện góp vốn theo thời gian thông báo của Hội đồng quản trị xem như từ bỏ quyền mua cổ phiếu. Số cổ phiếu cổ đông từ bỏ quyền mua sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phân phối.
- Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo phát hành chứng khoán khi được UBCKNN chấp thuận.

STT	Công việc	Thời gian
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN	D
2	Công bố thông tin theo quy định	D + 5
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D + 15
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D + 17
6	Phân bổ và thông báo quyền mua	D + 24

STT	Công việc	Thời gian
7	Cổ đông chuyển nhượng quyền mua cổ phần	D + 24 đến D + 44
8	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 24 đến D + 44
9	Thực hiện bán và xử lý đối với số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D + 44 đến D + 54
10	Tổng hợp danh sách	D + 61
11	Gửi báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	D + 63
12	Lưu ký và niêm yết bổ sung	D + 67
13	Trao giấy chứng nhận sở hữu cho nhà đầu tư mua thành công	D + 87

- *Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng.*
- *"D" là ngày nhận được giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.*

9. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu không phân phối hết được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.
- Tên tài khoản : Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
- Số tài khoản : 650.10.00.417.015.2
- Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
- Loại tiền tài khoản : VND

11. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo Nghị quyết HĐQT số 09/2021/NQ-HĐQT, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty là 49,00%. Công ty đã nộp hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49,00% đến Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và được chấp thuận bằng công văn số 5318/UBCK-PTTT ngày 15/09/2021 và được công bố tại trang web của Công ty.

Theo tra cứu, Công ty có ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo tra cứu của doanh nghiệp cụ thể như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài
1	Hoạt động viễn thông có dây, không dây, vệ tinh và hoạt động viễn thông khác	6110, 6120, 6130, 6190	49,00%

2	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651	49,00%
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653	49,00%

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 10/09/2021, Công ty có 22 cổ đông nước ngoài nắm giữ 1,23% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

- Công ty sẽ chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1. Do đó khi các cổ đông nước ngoài thực hiện toàn bộ quyền mua cũng sẽ không làm cho tỷ lệ này vượt mức tối đa theo quy định của pháp luật là 49%.
- Trong trường hợp số cổ phiếu phát hành không được phân phối hết và được quyết định tiếp tục phân phối cho các Cán bộ công nhân viên khác bởi HĐQT theo như Uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, HĐQT cam kết thực hiện giới hạn việc chào bán cho cổ đông nước ngoài theo quy định về sở hữu nước ngoài tối đa của pháp luật.

12. Các loại thuế có liên quan

Trong hoạt động, Công ty cần thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng… phụ thuộc các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư của Công ty và tuân thủ theo chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ. Cụ thể như sau:

12.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 20% tính trên lợi nhuận chịu thuế.

12.2. Thuế giá trị gia tăng

Theo quy định của Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, Công ty đang áp dụng thuế suất 10%.

12.3. Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5% (*năm phần trăm*); và
- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.

- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu: 0,1% (không phẩy một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

12.4. Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

  Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

  trong đó:

  - Thu nhập tính thuế: bằng Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu; và
  - Thuế suất: bằng 20% (*hai mươi phần trăm*).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

  Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

  trong đó:

  - Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán Cổ Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng; và
  - Thuế suất: bằng 0,1% (không phẩy một phần trăm).

12.5. Các loại thuế khác

Thuế tài nguyên, thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí,… của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

13. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Nhằm mục đích tái cấu trúc tài chính và bổ sung nguồn vốn kinh doanh, đầu tư dự án hạ tầng viễn thông, phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty thời gian tới, Đại hội đồng cổ đông thường niên VNTT năm 2021 có kế hoạch phát hành cổ phần qua 03 phương thức để tăng vốn điều lệ từ 244,85 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng trong năm 2021-2022, cụ thể như sau:

- Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền
- Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn người lao động
- Phát hành cổ phần theo hình thức riêng lẻ

Tổng số tiền thu được từ các đợt phát hành được sử dụng cụ thể cho các mục đích sau:

- Góp vốn thành lập Công ty con: 25.000.000.000 đồng
- Đầu tư hạ tầng viễn thông: 50.000.000.000 đồng

- Bổ sung nguồn vốn lưu động: từ 100.000.000.000 đồng
- Đầu tư các dự án Bất động sản: 120.000.000.000 đồng

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

HĐQT Công ty được ĐHĐCĐ ủy quyền quyết định chi tiết sử dụng vốn thu được từ mỗi đợt phát hành.Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 25/06/2021 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam, HĐQT thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, trong đó có các nội dung sau:

- Tổng số vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán là: 122.425.000.000 (Một trăm hai mươi hai tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng.
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để đầu tư góp vốn vào công ty con và bổ sung nguồn vốn lưu động. Phương án và lộ trình sử dụng vốn chi tiết như sau:

STT	Mục đích chi tiết sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời gian chi (dự kiến)
1	**Đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Giải Pháp VNTT**	**25.000.000.000**	Quý 4/2021 – Quý 1/2022
2	**Bổ sung nguồn vốn lưu động đợt 1**	**97.425.000.000**	
	Chi tiết:		
a	*Thanh toán tiền mua vật tư, thiết bị để bán, thi công lắp đặt cho khách hàng*	*40.000.000.000*	Quý 1/2022 – Quý 3/2022
b	*Thanh toán nợ vay ngắn hạn ngân hàng*	*40.000.000.000*	Quý 1/2022 – Quý 2/2022
c	*Thanh toán dịch vụ viễn thông đầu vào cho các nhà mạng để cung cấp bán lại cho khách hàng và đối tác*	*17.425.000.000*	Quý 1/2022 – Quý 2/2022
	TỔNG CỘNG	**122.425.000.000**	

Chi tiết về phương án bổ sung các khoản vốn lưu động:

a. Thanh toán tiền mua vật tư, thiết bị để bán, thi công lắp đặt cho khách hàng:

Do nhu cầu thanh toán tiền mua vật tư, thiết bị để bán và thi công lắp đặt cho khách hàng thực tế trong năm 2019 là trên 130.000.000.000 đồng và trong năm 2020 là trên 120.000.000.000 đồng. Hội đồng quản trị Công ty quyết định sẽ sử dụng số tiền 40.000.000.000 đồng từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu để bổ sung thanh toán cho các nhà cung cấp. Trong trường hợp số tiền còn dư, HĐQT sẽ phân bổ cho các nhu cầu vốn điều lệ khác của Công ty.

b. Thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn:

Tính đến ngày 15/09/2021, Công ty hiện đang có các khoản vay ngắn hạn như sau:

TOTRINH21110203

STT	Tài khoản vay	Số tiền nợ gốc (đồng)	Ngày đáo hạn
1	65082001047849	4.314.852.395	04/02/2022
2	65082001049252	2.495.003.140	07/02/2022
3	65082001049872	2.893.355.266	08/02/2022
4	65082001053703	1.677.186.500	23/02/2022
5	65082001054955	1.475.224.793	28/02/2022
6	65082001056915	3.652.319.266	07/03/2022
7	65082001058425	3.116.730.774	14/03/2022
8	65082001060174	4.282.912.843	28/03/2022
9	65082001059862	6.979.695.327	28/03/2022
10	65082001060697	2.098.758.898	04/04/2022
11	65082001060934	9.073.227.935	04/04/2022
12	65082001061733	2.962.162.407	12/04/2022
13	65082001061450	3.266.286.794	12/04/2022
14	65082001062985	3.757.671.013	25/04/2022
15	65082001062727	3.049.576.046	25/04/2022
16	65082001063872	4.657.461.577	04/05/2022
17	65082001064565	3.138.617.075	09/05/2022
18	65082001065063	878.230.320	16/05/2022
Tổng cộng		**63.769.272.369**	

Do đó HĐQT quyết định sử dụng 40.000.000.000 đồng từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu để bổ sung thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn nêu trên.

c. Thanh toán dịch vụ viễn thông đầu vào cho các nhà mạng để cung cấp bán lại cho khách hàng và đối tác

Do nhu cầu thanh toán dịch vụ viễn thông đầu vào cho các nhà mạng thực tế trong năm 2019 là trên 32.000.000.000 đồng và trong năm 2020 là trên 49.000.000.000 đồng. Do nhu cầu dịch vụ viễn thông ngày càng tăng, Công ty dự kiến chi phí dịch vụ viễn thông đầu vào cho năm 2022 sẽ tiếp tục gia tăng. Hội đồng quản trị Công ty quyết định sẽ sử dụng số tiền 40.000.000.000 đồng từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu để bổ sung thanh toán cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông đầu vào. Trong trường hợp số tiền còn dư, HĐQT sẽ phân bổ cho các nhu cầu vốn điều lệ khác của Công ty.

VNTT sẽ tiếp tục thực hiện phát hành cổ phiếu thông qua phương thức chào bán riêng lẻ và chào bán cho cán bộ công nhân viên trong năm 2021 theo như quyết định của ĐHĐCĐ sau khi nhận được chấp thuận phát hành cho cổ đông hiện hữu.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209
Website: www.vcsc.com.vn

Sàn giao dịch:
Địa chỉ 1: Tòa nhà Vinatex – Tài nguyên, lầu 3, 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax : (84-8) 3914 3209

Địa chỉ 2: 236 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax : (84-8) 38216186

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Lầu 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 6262 6999 Fax : (84-4) 6278 2688

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã thu thập được về VNTT và đợt chào bán cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt có một số nhận định như sau: Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, đội ngũ Ban quản trị, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Bên cạnh đó chiến lược đầu tư của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của đất nước trong việc mở rộng các ngành phụ trợ, điều này sẽ tạo ra nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty và tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông

Khối lượng chào bán đợt này là 12.242.500 cổ phần là đợt chào bán có quy mô ở mức trung bình so với quy mô của các đợt chào bán của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần đây. Tổ chức tư vấn đánh giá tính khả thi của đợt chào bán này là cao.

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Địa chỉ: 2 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3547 2972 Fax: 028 3547 2970
Website: www.a-c.com.vn

XI. PHỤ LỤC

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

2. Bản sao hợp lệ BCTC kiểm toán cho năm tài chính 2019, 2020 và BCTC Quý 3 2021
3. Điều lệ hoạt động
4. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất
5. Các tài liệu liên quan khác

- Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ chào bán
- Nghị quyết HĐQT về việc phương án chi tiết sử dụng vốn dự kiến và phương án đảm bảo việc phát hành đáp ứng đúng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Bình Dương, *ngày 23 tháng 11 năm 2021*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
HUỲNH QUANG HẢI	**GIANG QUỐC DŨNG**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
ĐẶNG THANH HƯNG	**NGUYỄN VĂN PHÚC**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC

TÔ HẢI